

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 14

1. Đường Đại Tông: (Quý Mão)

Đại Tông tên là Dự, con trưởng của Túc Tông, cháu của Huyền Hoàng đến hơn trăm người nhưng cử đích tôn lên ngôi. Về sau ông dùng Nguyên Tái làm Tể tướng, phế truất Lý Bí. Sau đó giết Nguyên Tái trọng dụng Dương Oản. Ông mất ở điện Tử thần, thọ năm mươi ba tuổi, an táng ở Nguyên lăng, trị vì mười bảy năm, lên ngôi đổi niên hiệu Quảng Đức.

Ất Ty: Đổi niên hiệu là Vĩnh Thái.

Tháng chín, vua đúc tượng Phật Kim Cang ở Quang Thuận môn dẫn bá quan ra lễ lạy cúng tế. Tháng mười giặc Phiên vây kinh sư, vua đem Nhân Vương kinh, tống tặng cho các chùa ở Tây Minh rồi lập tòa cao trăm thước giảng kinh. Giặc rút lui.

Vua mộng thấy Lục tổ Tuệ Năng đến thỉnh y bát về Tào Khê. Sáng hôm sau, vua sai sứ thỉnh y bát đưa về. Bấy giờ giặc nhiều lần bức bách, vua rất lo lắng. Tể tướng Vương Tấn tâu:

“Quốc gia dựa vào phước báo mà được yên ổn lâu bền, dù nhiều tai ương nhưng không đáng nói. Lộc Sơn, Tư Minh độc ác sẽ di họa cho con cháu sau này. Ta gắng sức ban ân thì thế nào cũng phải thắng. Binh hung đến, giặc chưa đánh đã chạy dài, quả không phải việc của người thường”.

Từ đó vua dốc tâm trong Phật đạo, tu sửa chùa tháp, xuống chiếu cho quan lại trong thiên hạ không được đánh phạt Tăng ni, lại giảng tụng Nhân Vương Hộ Quốc kinh trong thành nội. Xuống chiếu thỉnh Tam tạng Bất Không dịch lại những bộ kinh cũ, vua đích thân viết bài tựa. Vua phong quan cho Bất Không, thăng chức Hồng Lô Khanh.

2. Lương Bí soạn Nhân Vương Kinh Sớ:

Năm này vua hạ chiếu thỉnh Pháp sư Lương Bí soạn Nhân Vương kinh sớ tại vườn Đào trong cung Đại Minh. Soạn xong ngài dâng vua

xem. Đại loại nói:

“Rửa tâm gội ý, hướng cái vắng lặng mà tìm âm thanh, kinh số khởi nguyên là từ thiên cung, được thần lực Phật gia bị hộ trì, dựa trên Kinh Luận khai diễn chân tông, chẳng khác nào lượm châu ngọc trong rừng gai, dồn trăm sông về biển cả. Lửa sinh từ trong cây, rực sáng như Nhị Diệu, Thức Lưu chuyển trong Chân như, hợp nhất tướng cùng soi chiếu. Thành đạo thì có pháp, vận chuyển tải pháp là kinh. Độ khắp hữu tình đồng lên bờ giác, đủ tâm Bồ-đề chẳng khác ý bệ hạ”.

Vua xem khen hay. Vua đổi niên hiệu là Đại Lịch.

3. Thiên sư Đạo Nghĩa Dựng Pháp Hội Vu-lan: (Bính Ngọ)

Năm này Thiên sư Đạo Nghĩa dựng chùa Kim Các, vua ban sắc lệnh cho mười Tiết độ sứ trợ giúp ngài bằng hai kỳ thuế. Tháng bảy ngài lập pháp hội Vu-lan-bồn trong thành nội, trần thiết linh vị của bảy vua từ Cao Tổ Thái Tông trở xuống, sắm đủ loan giá, dựng tràng phan lớn, trên mỗi tràng phan đều ghi tên hiệu của thiên tử, rồi nghinh rước từ thái miếu vào trong đạo tràng. Kèn trống rộn ràng, cờ phan rợp trời. Hôm ấy bá quan cầm trượng nghinh rước quỳ lạy ở Quang Thuận môn. Từ đó lệ thường hằng năm đều tổ chức như vậy. Năm quý mùi hai cung thái miếu xuất hiện linh chi, vua làm thơ phú tán thán trăm quan họa theo.

Đinh Mùi: Phật giáo truyền vào Trung Quốc đã bảy trăm năm.

4. Đỗ Hồng Tiệm hỏi đạo với Thiên sư Vô Trụ:

Tháng bảy, Tể tướng Đỗ Hồng Tiệm đi võ yên dân ở Ba thực. Đến Ích châu, ông sai sứ vào Bạch nhai sơn thỉnh Thiên sư Vô Trụ vào thành để hỏi đạo. Tiệm hỏi:

- Đệ tử nghe, nay Hòa thượng giảng pháp môn “Vô ước, vô niệm và mạc vọng” chẳng hay ba pháp ấy là một hay là ba?

Vô Trụ đáp:

- Vô ước tức là giới, vô niệm tức là định, mạc vọng tức là tuệ. Nhưng một tâm không sinh thì đầy đủ giới, định, tuệ, chẳng phải một, chẳng phải ba.

Tiệm hỏi:

- Chữ Vọng trong câu sau, đâu chẳng phải từ tâm sinh ra?

Ngài đáp:

- Theo ông thì đúng.

- Có căn cứ không?

Kinh Pháp Cú nói:

“Nếu khởi tâm tinh tấn, đó là vọng chứ không phải tinh tấn, nếu tâm chẳng vọng, thì đó là tinh tấn không bến bờ”.

- Thầy có đem pháp ấy tiếp người không?

- Với những người sơ tâm cầu học phải làm cho họ dứt niệm, làm cho sáng tâm thức lặng yên, nước lặng yên thì liền hiện bóng. Liễu ngộ được thể của vô niệm thì tịch diệt hiện ngay trước mắt, khi ấy vô niệm cũng chẳng lập.

Lúc đó có con quạ kêu trên cây trước sân. Tiệm hỏi ngài:

- Thầy nghe gì không?

Ngài đáp:

- Nghe.

Đến khi con quạ bay đi, Tiệm hỏi:

- Nay thầy có nghe gì không?

- Nghe.

- Quạ bay không còn tiếng kêu sao bảo là nghe?

Vô Trụ quay lại nhìn bốn chúng nói:

- Chánh pháp khó nghe, các ông phải nghe kỹ đây, nghe và không nghe chẳng liên quan đến tánh nghe. Tánh nghe xưa không sinh nay cũng không diệt. Lúc có âm thanh là thanh trần tự sinh, lúc không âm thanh thì thanh trần tự diệt, nhưng tánh nghe này chẳng theo âm thanh mà sinh, chẳng theo âm thanh mà diệt. Tổ ngộ được tánh nghe này thì thoát khỏi sự lưu chuyển của thanh trần. Đến như sắc, hương, vị, xúc cũng đều như vậy, nên biết tánh nghe chẳng sinh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi.

Hồng Tiệm cùng các quan nghe xong mừng rỡ tán thán. Tiệm hỏi tiếp:

- Đệ tử vừa soạn Khởi Tín Luận Sớ hai quyển, có được xem là hiểu Phật pháp không?

Ngài đáp:

- Phàm soạn sớ đều dụng tâm suy nghĩ phân biệt, nếu có thể viết thành thì có lợi ích cho hậu học.

Trong luận ấy nói:

“Phải biết tất cả pháp từ xưa đến nay là tướng ngôn thuyết, tướng văn tự, tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng không có biến đổi, chỉ là một tâm nên gọi là Chân như”.

Nay tướng công chấp lấy tướng ngôn thuyết, tướng văn tự, tướng tâm duyên, đã chấp trước vô số tướng như vậy, thì làm sao hiểu và thể

nhập Phật pháp.

Hồng Tiệm đánh lễ thưa:

- Nay thầy theo lý khảo xét luận pháp môn khế hợp tâm địa thật chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng làm thế nào để được chẳng sinh chẳng diệt, khế hợp với giải thoát?

Ngài nói:

- Thấy cảnh tâm không khởi là chẳng sinh, chẳng sinh thì chẳng diệt, đã không sinh diệt thì không bị tiền trần trói buộc, ngay đó liền giải thoát.

Tiệm hỏi:

- Sao gọi là biết tâm thấy tánh?

Ngài đáp:

- Tất cả người học đạo đều bị lưu chuyển theo niệm, nên chẳng biết được chân tâm, chẳng thấy được bản tánh. Chân tâm thì dù niệm sinh nhưng nó không sinh theo, niệm diệt thì nó không diệt theo. Nó chẳng đến chẳng đi, chẳng định chẳng loạn, chẳng thủ chẳng xả, chẳng nổi chẳng chìm. Nó vô vi vô tướng, linh hoạt sống động, bình thường tự tại. Tâm thể này rốt cuộc bất khả đắc, không thể biết được, thấy muôn cảnh mà đều như như thì thấy đều là kiến tánh.

Từ đó Hồng Tiệm chú tâm trong thiền quán. Có lần ông làm thơ:

Nguyện mãi theo lý thiền

Đâu thể bỏ nguồn chân.

Về già bị bệnh, ông từ giã ngôi Tế tướng. Bỏ ngôi được ba ngày thì ông mất. Lúc lâm chung, ông tắm rửa mặc triều phục, lại mặc thêm y Tăng-già-lê, cạo tóc rồi mới mất, ông dặn phải an táng như nghi thức Sa-môn.

Luận rằng: “Vô Trụ thuyết pháp đơn giản nhưng xác đáng nhiệm mầu, rất khế hợp với ý chỉ “tánh nghe không sinh diệt” trong Thủ-lăng-nghiêm, làm cho người nghe tỏ ngộ mà tin hiểu. Hồng Tiệm là công thần mưu lược, gia thế phụng Phật. Lúc lâm chung ông cạo bỏ râu tóc đắp y của Tăng, giống như Vương Văn, Vương Công Đán trong triều Tống. Văn Chánh Công tuy là bề tôi đức cao, công lớn, thanh danh tiết tháo lẫy lừng, là người đứng đầu trong những bề tôi nổi tiếng, nhưng xem ra chẳng bằng Hồng Tiệm. Những năm cuối đời, ông ấy dặn dò con cháu, phó chúc tử mĩ với bạn mình là Dương Văn Công Đại Niên. Văn Công luận bàn với ông rất chuẩn xác rõ ràng. Đó đủ thấy ông ấy là người thấy biết Phật pháp rất sâu, thấu tỏ đạo mầu rất rõ. Than ôi! Tông ta chỉ thẳng cái thấy nghe hiểu biết cho con người việc lớn ngay đó là

thành tựu mỹ mãn, thế vì có gì con người lại vất bỏ đi, trọn đời cứ đeo níu, luôn luôn vì người khác, việc trên đời thì cứ mãi mù mờ. Thiên hạ nổi nhau đều như thế cả! Còn như hai vị ấy hay tự quay đầu, lo việc đời sau, đã thông việc lớn, người như vậy lẽ đâu dễ gặp”.

5. Quốc sư Thanh Lương Trìng Quán: (Giáp Thân)

Ngài họ Hạ Hầu, tự là Đại Hữu, người Cối Kê, sinh trong niên hiệu Khai Nguyên, thân cao chín thước bốn tấc, tay dài quá gối, miệng có bốn mươi cái răng. Ban đêm mắt ngài sáng rỡ, ban ngày mắt không nhắm. Ngài xuất gia năm Thiên Bảo thứ bảy, thọ giới Cụ túc khi Túc Tông lên ngôi được hai năm. Năm ấy ngài phụng chiếu vào kinh đô dịch kinh Hoa Nghiêm. Trong niên hiệu Chí Đức, ngài tự sách tấn mình bằng mười việc như thân không đánh mất oai nghi của Sa-môn, không trái giới luật của Phật, ngồi không quay lưng với kinh trong pháp giới, tánh không nhiễm cảnh thế gian, chân không bước đến chùa Ni, lưng không chạm giường Cư sĩ, mắt không nhìn màu sắc bất chánh, lưỡi không nếm thức ăn quá ngọt, tay không rời hạt châu viên minh, đêm chẳng lia y bát. Ngài theo Ngưu Đầu Duy Trung, Kính Sơn Đạo Khâm hỏi về tông chỉ Thiền tông, theo Thiền sư Pháp Sần thọ học Hoa Nghiêm viên giáo ở kinh đô. Đến Đại Lịch thứ ba, Đại Tông thỉnh ngài vào cung, cùng dịch kinh với Tam tạng Đại Biện Chánh, làm Thượng thư trong những vị nhuận văn. Sau đó ngài từ giả dịch trường vào chùa Đại Hoa Nghiêm ở Ngũ Đài sơn nghiên ngâm giáo chỉ Hoa Nghiêm theo dấu Thánh nhân, trú thân trong cảnh Phật, đặt tâm trong chân như, chẳng khác nào từ trong Hậu Đắc Trí quyền hiện phương tiện khởi tâm thế tục, học thế gian giải. Trước đây ngài đã từng xem khắp lục nghệ, đồ sử, học thuyết của chín phái, những thư tịch của Hoa Hạ, những Phạm kinh của Tây Thiên cùng bốn bộ Vệ đà. Ngũ minh thánh giáo và những kinh sách khác của thế tục. Những sử sách ấy ngài đều thông thấu. Đến năm Chí kiến thứ tư, ngài bắt đầu soạn số, ngài muốn cầu điềm linh để minh chứng. Đêm nọ, ngài mộng thấy Đức Phật hiện thân ở núi Đương Dương, thân tướng rõ ràng, đến nỗi ngài phải lấy tay che mặt. Khi tỉnh lại ngài rất vui mừng vì cho rằng mình đã có điềm lành quang minh chiếu khắp thân. Từ đó ngài soạn thuật không ngừng, lấy tín, giải, hành, chứng phân Hoa Nghiêm thành bốn khoa, bao quát tất cả lý. Mỗi lần xem những bản sơ cũ ngài thường lấy làm tiếc vì chưa lột tả hết ý kinh, chỉ có sơ của ngài Hiền Thủ là cứu xét đến chỗ thâm sâu, ngài bèn dựa theo những bản ấy và soạn số. Bốn năm sau, bộ số mới hoàn thành.

Ngài lại mộng thấy mình hóa thành rồng, đầu gối ở Nam đài, đuôi vẩy ở Bắc đài, nhào lộn trên không, che lấp cả mặt trời. Giây lát biến thành trăm ngàn con rắn bò khắp bốn phương rồi mất hút. Thức giả cho rằng đó là điềm báo, sợ ngài sẽ lưu thông khắp nơi. Lần đầu tiên ngài giảng cho chúng nghe, cảm được mây lạnh quần quện trên không ngay trước sân của giảng đường. Về sau được Tăng Duệ... trước tác Tùy Sơ Diễn Nghĩa bốn mươi quyển và Tùy Văn Thủ Cảnh một trăm quyển.

6. Vua mời Quốc sư Tuệ Trung so tài với Thái Bạch Sơn Nhân:

Năm này vua mời Quốc sư Tuệ Trung vào cung và dẫn Thái Bạch Sơn Nhân đến yết kiến ngài. Vua nói:

- Người này có nhiều kiến giải, xin thầy cứ thử nghiệm.

Quốc sư hỏi:

- Ông có khả năng gì?

Sơn Nhân đáp:

- Biết chút ít về núi, đất, chữ và tính toán.

- Núi mà ông ở là núi trống hay núi mái?

Sơn nhân mờ mịt chẳng đáp được.

Ngài hỏi:

- Ông biết đất không?

- Biết.

Quốc sư chỉ đất nơi điện đường hỏi:

- Đây là đất gì?

- Phải để đệ tử tính mới biết được!

- Ông biết chữ không?

- Biết.

Quốc sư liền gạch một gạch ngang trên đất rồi hỏi:

- Đó là chữ gì?

- Chữ nhất.

- Chữ thổ gạch thêm một gạch trên đầu là chữ vương, sao gọi là chữ nhất?

Quốc sư hỏi tiếp:

- Ông biết tính toán không?

- Biết.

- Ba bảy là mấy?

Sơn Nhân nói:

- Quốc sư đùa với đệ tử thôi, ba bảy lẽ đâu chẳng phải là hai mươi mốt.

Quốc sư nói:

- Trái lại Sơn Nhân đùa bần đạo đấy, ba bảy là mười, sao bảo là hai mươi một?

Ngài hỏi tiếp:

- Ông còn khả năng gì nữa không?

- Nếu đệ tử có đi nữa, cũng không dám nói trước mặt quốc sư đâu.

- Nếu ông có cũng chưa hẳn đúng đâu.

Ngài nói với vua:

- Hỏi núi chẳng biết núi, hỏi đất chẳng biết đất, hỏi chữ chẳng biết chữ, hỏi toán chẳng giải được, bệ hạ lợm già ngơ ngơ ngáo ngáo này ở đâu về thế!

Vua nói với Sơn Nhân:

- Trẫm có đế vị chưa đủ là quý, Quốc sư mới là quốc bảo.

Sơn Nhân nói:

- Bệ hạ là người biết của báu rất chính xác.

7. Vua hạ chiếu mời Thiên sư Kính Sơn vào triều:

Năm này vua hạ chiếu mời Thiên sư Kính Sơn Đạo Khâm vào cung. Vua đích thân đến thăm hỏi lễ lạy. Hôm nọ, Sư ở trong sân, thấy vua liền đứng dậy. Vua hỏi:

- Sao thầy lại đứng lên?

- Đàn việt làm sao trong bốn oai nghi mà thấy bần đạo được?

Vua mừng rỡ, nói với Quốc sư Tuệ Trung:

- Trẫm muốn phong tặng thầy Đạo Khâm một cái tên.

Tuệ Trung vui vẻ phụng chiếu. Vua liền ban cho ngài hiệu là Quốc Nhất Thiên Sư. Sau sư từ giã vua về lại Kính sơn.

Có lần Mã Tổ Đại sư sai môn nhân là Trí Tạng hỏi Sư:

- Trong mười hai giờ ngài lấy gì làm cảnh?

Sư đáp:

- Đợi lúc ông trở về ta sẽ gửi thư nói rõ.

Trí Tạng nói:

- Tôi về ngay đây.

Sư nói:

- Ông về nói rằng phải đi hỏi Tào Khê.

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là ý của tổ sư từ Thiên Trúc sang?

Sư nói:

- Ông hỏi không đáng.

Tăng hỏi:

- Thế nào mới đáng?

Sư nói:

- Đợi khi ta chết rồi, ta sẽ nói cho ông nghe.

Trình Nguyên thứ tám, Sư thị tịch, vua ban thụy là Đại Giác Thiền

Sư.

8. *Thiền sư Tuệ Trung ở Ngưu Đầu: (Kỷ Dậu)*

Thiền sư Tuệ Trung ở Ngưu Đầu thị tịch trong năm này. Sư đắc pháp với Thiền sư Trí Oai, làm tổ thứ sáu của tông Ngưu Đầu. Bình sinh sư chỉ dùng một y, một bát chẳng hề thay đổi.

Lần nọ, có người cúng cho chúng Tăng hai kho thóc. Bọn trộm rình mò nhưng có hổ giữ. Huyện lệnh Trương Tốn lên núi yết kiến và hỏi Sư:

- Thầy có bao nhiêu môn đồ?

Sư đáp:

- Có vài ba người.

Tốn nói:

- Tôi gặp được không?

Sư liền gõ vào giường ba cái, có ba con hổ gầm gừ đi ra. Tốn thấy thất kinh hoảng sợ lui ra.

Về sau, Sư dời qua ở tại chùa Trang Nghiêm và muốn dựng pháp đường. Chùa này có cây cổ thụ, có bầy chim khách làm tổ trên ấy. Sư nói với tổ chim:

- Nơi đây sẽ dựng pháp đường, các người nên đi chỗ khác!

Sư nói xong, bầy chim liền dời tổ qua cây khác. Đến khi dựng móng, có hai vị thần canh giữ bốn góc. Ban đêm ngấm ngấm trợ giúp, nên chưa đầy một ngày công chuyện đã xong. Từ đó người học đua nhau đến tham học. Sư có bài kệ An Tâm rằng:

Nhân pháp đều tịnh

Thiện ác đều quên

Thẳng lòng chân thật

Đạo Bồ-đề thành.

Khi sư sắp thị tịch, cây đại thụ và dây gia trước thất là nơi mà Sư treo y bát bỗng đứng khô chết. Sư nhóm chúng Bốc-tát xong, cạo đầu tẩm gội, đêm ấy mây lành giăng phủ khắp viện, trong hư không lại có tiếng nhạc trời. Sáng sớm hôm sau sư an nhiên thị tịch. Lúc đó gió mưa

bồng nổi lên dữ dội, sét đánh gãy cả cây to, lại có một cầu vồng trắng xuyên thẳng vào hang núi nơi Sư ở.

9. Quốc sư Tuệ Trung so tài với Tam tạng Đại Nhĩ:

Canh tuất: Tam tạng Đại Nhĩ từ Tây Vực vào kinh sư. Nhĩ tự nói mình đã chứng tuệ nhân tha tâm thông. Vua liền mời Đại Nhĩ vào chùa Quang Trạch rồi thỉnh Quốc sư Tuệ Trung tỉ thí kiểm nghiệm. Tuệ Trung hỏi:

- Ông được Tha tâm thông phải không?

Đại Nhĩ đáp:

- Không dám.

- Ông nói xem lão Tăng hiện giờ ở đâu?

- Hòa thượng là thầy của một nước, sao lại lên cầu Thiên tân xem khí giỡn.

- Lão Tăng hiện giờ ở đâu?

- Hòa thượng là thầy của một nước, sao lại đến Tây xuyên đua đò.

Tuệ Trung hỏi lần thứ ba:

- Lão Tăng hiện giờ ở đâu?

Tam tạng suy nghĩ giây lâu nhưng không tìm ra. Tuệ Trung nạt:

- Gã Hồ ly tinh này! Tha tâm thông ở chỗ nào?

Tam tạng không đáp được.

Luận rằng: “Từ Tứ tổ đến Đại sư Pháp Dung, nói ngang nói dọc nhưng chưa biết cửa ngõ hưởng thượng. Đó là lời của Hoàng Bá Hy Vận. Hoàng Bá là bậc đại cơ đại dụng, thủ đoạn tiếp người siêu cách, nói như vậy đương nhiên là chính xác. Người học có lúc cũng nói năng tương tự như vậy rồi cho đó là thiền là đạo. Nhiều khi việc khen chê bôi xấu ấy không chỉ dừng lại ở đây. Than ôi! Người đời thường nói học không nên vượt bậc.” Cứ xét tông ta truyền riêng tâm ấn, vận dụng liễu sinh thoát tử, đó có thể là vượt bậc ư. Xem chư tổ Ngưu Đầu đạo thịnh một đời, trong việc sinh tử cảm nghiệm rõ ràng. Có người khi sống được trăm chim tha hoa cúng dường, hổ báo hầu hạ, có người lúc mất chim thú kêu thương cả tháng mới hết, lại có hương lạ quần quện cả tuần sau mới tan, có khi núi rừng trắng xóa, suối khe khô cạn, có lúc trên không thân phan rợp trời từ hướng Tây đến nhiều núi mấy vòng, có lúc cây cối nơi tự viện mà người ấy ở bỗng trắng xóa, bảy ngày sau mới sống trở lại. Đến như việc cảm ứng của Thiền sư Tuệ Trung thật không nghĩ bàn, vượt khỏi tạo hóa. Nếu như tự thân không có đức sáng hạnh

sạch, trùm cả đất trời mà không thẹn, vượt cả trăm thánh mà không hổ, thì lẽ đâu chiêu cảm được những điều lạ như vậy ư!

Như Tam tạng Đại Nhĩ là người phần chứng Tiểu quả, chứng đắc ngũ thông, đến khi yết kiến Quốc sư, hai lần đầu, Quốc sư có cảnh giới để duyên tâm thì ông ấy thấy rõ ràng xứ sở, đến lần thứ ba, Quốc sư vào sâu trong cửa ngõ bí mật đại định, thì Đại Nhĩ mờ mịt chẳng lần ra dấu vết. Bởi vậy đủ thấy rằng, chứng quả có thứ lớp, đạo lớn có cạn sâu, hoàn toàn không bịa đặt. Có kẻ lại mong muốn cũng làm một con người mẩu mực, bắt chước Quốc sư nhưng tự tánh viên thông so với thu thuật tiếp người nhỏ nhỏ này, lẽ đâu có thể nói cho là cùng tận được sao”.

10. Văn bia nói về công trạng của Tam tạng Bất Không:

Năm này, Đại Quảng Trí Tam tạng Bất Không sắp thị tịch, ngài dặn dò chúng:

- Hạnh nguyện Phổ Hiền lưu xuất vô lượng pháp môn, các ông nên gắng sức hành trì, phải quán tâm Bồ-đề Bốn tôn đại ấn, giải thặng chữ A, liễu ngộ pháp vô sinh, chứng được thân Đại giác.

Ngài lại sai đệ tử Triệu Thiên chấp bút ghi lại Niết-bàn Quỹ Phạm mà ngài soạn để truyền lại cho hậu thế, bảo rằng cứ theo nghi thức ấy mà tống táng. Ngài dâng biểu từ giã vua, vua sai nội sử đến thăm viếng, hỏi han, thuốc thang, và gia hiệu là Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty Túc Quốc Công, thực ấp là ba ngàn hộ. Ngài kiên quyết chối từ đến mấy lần không nhận.

Bất Không than: “Ta đem đạo cứu đời, chẳng mong sắp chết lạm dụng được phong tước.”

Rồi ngài đem vật phớ pháp của Đại sư Kim Cang Trí nhờ Trung sư Lý Hiến Thành dâng cho vua. Ngài tắm rửa thay đồ, ngồi kiết già an nhiên thị tịch. Khi trà-tỳ, xương đỉnh đầu của ngài không cháy, bên trong chứa xá-lợi màu sắc sáng ngời. Ngự sử Nghiêm Trình soạn văn bia nêu đức của ngài. Thái thường Tư Hạo khắc vào đá. Văn bia ghi rằng:

“Hòa thượng húy là Bất Không, người Tây Vực. Họ của ngài không lưu truyền ở Trung Quốc, nên sử sách không ghi là họ gì. Huyền Tông biết rõ ngài là bậc chí đạo, rất tôn ngưỡng ngài. Đến đời Túc Tông, Đại Tông, ba triều vua ấy đều tôn xưng ngài là Quán Đảnh Quốc sư, thường dùng lời lẽ thanh tao, cao quý ca ngợi ngài là bậc chí tôn. Hồi ấy Đại Tông đặc biệt thỉnh ngài ở tại Đại Hồng Lô nhằm nêu cao tài đức của ngài. Đến khi lâm bệnh, vua đến giường bệnh gia phong

ngài hiệu là Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty Túc Quốc Công, nhưng ngài cố sức chối từ không nhận. Vua đặc phong ngài hiệu là Đại Quảng Trí Tam Tạng.

Tháng sáu mùa hạ năm Đại lịch thứ năm ngài thị tịch tại chùa Đông Hưng Thiện trong Kinh sư. Đại Tông không thiết triều ba ngày, sai quan Tư Không đến truy tặng cho ngài thụy là Đại Biện Chánh Quảng Trí Tam Tạng. Ngày trà-tỳ vua xuống chiếu thỉnh kim quan vào cung lễ lạy, cúng tế, đọc diếu văn như tống táng Văn Tổ. Vua tôn kính ngài như lúc còn sống. Diếu văn thống thiết, lễ tế linh đình. Những nghi lễ người thường hay của quan lại không sao sánh được.

Tháng chín năm sau, vua hạ chiếu đem xá-lợi dựng tháp tại tự viện xưa. Hòa thượng bảm lính thông minh, thấu suốt yếu chỉ pháp tạng của chư Phật, là người siêu xuất trong chúng Tăng, tài đức cao vời không ai sánh kịp. Ngài hành trì chân ngôn, thặng đàn quán đảnh, liền thành Phật mau chóng, ứng thanh cầu phước linh diệu vô cùng. Trời sáng mà lại cao, đất rộng mà lại sâu, nên những việc ngài làm hậu học không không làm sao biết nổi, xin mạo muội lược nêu dòng pháp của ngài.

Xưa Kim Cang Trí Tát Đỏa thọ nhận Du-già tối thượng thừa nghĩa từ Tỳ-lô-giá-na Phật, một trăm năm sau, Kim Cang truyền cho Bồ-tát Long Mãnh, một trăm năm sau nữa Long Mãnh lại truyền cho A-xà-lê Long Trí. Long Trí truyền cho A-xà-lê Kim Cang Trí. Kim Cang Trí đem giáo pháp này qua Trung Quốc và truyền trao cho Hòa thượng. Sau đó Hòa thượng lại qua Thiên Trúc đến những nước như Sư tử... Tìm gặp A-xà-lê Long Trí xiển dương mười tám pháp hội. Dòng pháp nối nhau, từ Tỳ-lô-giá-na Như Lai xuống đến Hòa thượng gồm cả thủy sáu đời.

Ngài thường khuyên dạy muôn dân trai giới, tu tạo phước thiện, đáp lời thỉnh cầu, phước ứng rõ ràng. Nơi rừng sâu không lập ngôn, làm sao biết mà ghi lại hết. Ở ngõ ngách bên Tây Vực voi điên vầy vùng, ngài dùng từ nhãn nhìn, chẳng đỡ chân mà đàn voi phủ phục. Nửa dòng Nam hải, trời Ngô chấn động, ngài dùng định lực trấn áp, chẳng dời gót mà sóng biển lặng yên.

Lúc chào đời, mẹ ngài được hào quang chiếu sáng khắp thân; lúc thị tịch, ao đầm quanh tinh xá đều khô cạn. Ngài thọ bảy mươi tuổi, Tăng lập năm mươi hạ. Từ lúc thiếu niên cho đến về già, thường cúng dường Phật và ngôi Đạo tràng, đốt hương tung hoa, nhập tri kiến Phật. Hơn năm mươi năm, bất kể ngày đêm, dù nóng hay lạnh vẫn chưa từng có mảy may giải đãi. Một con người siêu việt như thế, hậu học tất cả tụng trong giảng đường. Những người đắc pháp đâu chỉ có một, nhưng

trong ấy Sa-môn Tuệ Lãng là người nối tiếp kế thừa, nhận được yếu chỉ truyền đăng, nối tiếp Phật tuệ là tổ thứ bảy.

Cao lớn thay! Than ôi! Hậu học ngày nay mãi không quên bậc lương đồng đức hạnh cao vời, tôi rất sùng kính. Xưa nghe được những lời nhiệm mầu, nay chỉ còn nhìn thấy tượng tích. Đức sáng tỏa rạng khắp nơi nhờ ân; soạn sách viết bài minh kẻ hèn mọn này sao từ chối được! Bài minh nói:

*Than ôi! Đại sĩ
 Trải khắp ba triều
 Làm thầy đế vương
 Mẫu mực trên dưới
 Xưa tại Quảng thành
 Hiên Hậu xuất thế
 Ba ngàn năm sau
 Lại có Quốc Công
 Du-già thượng thừa
 Ngâm hợp chân ngữ
 Tiếp nối sáu đời
 Kế thừa mạng mạch
 Thuật hành trạng ngài
 Rõ ràng thứ lớp
 Hàng phục voi điên
 Trấn áp trời Ngô
 Tâm từ chế ác
 Tuệ lực hàng ngu
 Vắng lặng cảm thông
 Lẽ đâu lường được
 Hai cung ứng mộng
 Song lâm đổi màu
 Tư không mất đi
 Biện chánh cao đức
 Vua tế như tổ
 Đến phải ngâm ngợi
 Chiếu dựng bảo tháp
 Ngay tự viện xưa
 Dưới đất xá-lợi
 Trên dựng phù đồ
 Dấu vượt sống chết*

*Pháp lia có không
Khắc đá làm bia
Dựng tại Đại đô.*

11. Văn bia nói về công trạng của Luật sư Đàm Nhất:

Tân Hợi: Luật sư Đàm Nhất người Việt Châu thị tịch, Bồ Phi Lương Túc viết văn bia rằng:

“Thích thị Tiên Luật sư, húy Đàm Nhất, tự Giác Dận, hưởng thọ tám mươi tuổi, Tăng lạp sáu mươi mốt, thị tịch tại chùa Khai Nguyên ở Việt châu vào ngày bảy tháng mười hai niên hiệu Đại Lịch thứ sáu. Kim quan được đưa về tống táng và dựng tháp tại phía Bắc núi Tần vọng, có đến hơn ngàn người mặc đồ tang lo tống táng.

Đại sư họ Trương quê ở Nam Dương. Tăng Tổ Tùy Thái Thường Trương Hằng hồi ấy định cư tại Sơn Âm, Cối Kê và sinh ngài ở đây. Ngài vốn là người thông minh đỉnh ngộ, thuở nhỏ đã học thông Ngũ kinh, nhân đó đi tìm huyết của vua Vũ. Sư đến chùa Vân Môn theo Sa-môn Thái Lượng xuất gia, thế phát trong niên hiệu Cảnh Long và thọ Cụ túc túc giới. Ngài tỏ rõ là người thông tuệ mẫu mực uy nghi, rất đáng để người khác ngưỡng vọng.

Đầu niên hiệu Khai Nguyên ngài đến Trường An. Luật sư Lượng ở chùa Quan Âm gặp ngài biết là bậc kỳ tài liền đưa Tỳ Ni cho ngài học. Sau đó ngài theo Pháp sư Đàn Tử ở chùa Sùng Thánh học Câu-xá, Duy Thức; theo Đại Sa-môn Vô Úy người Ấn Độ thọ Bồ-tát giới. Ngài nghiên cứu đạo mẫu, thám xét lý huyền quả thật xuất chúng. Trong thời gian đó thanh danh của ngài lan đến kinh sư. Đại sư ở nơi vách núi cheo leo nhưng tài đức của ngài vượt xa muôn dặm, thấy biết tường tận, ứng dụng sống động, chứng đắc lý huyền của Tam tạng, cùng tận cội nguồn của các tông. Thêm vào đó ngài vốn là người thấu suốt đạo lý Nho gia, thông thạo học thuật thế gian, các bậc Trưởng lão nghe danh đều khen ngợi, công khanh xuống tòa tiếp như thượng khách. Từ đó những người như Thiếu Bảo Duyệt Quốc Công, Lục Công đãi ngài như khách quý, Tri Chương Lý Bắc Hải Hồ, Từ Trung Thư An Trinh Chử cùng ngài đàm đạo, nêu tỏ lý huyền. Du sĩ của Nho Thích chẳng còn chống đối. Ngài tiếp độ người trước tiên đều dùng văn từ và đức hạnh, giáo hóa họ bằng giới và định. Ngài nhập thất thì bổng phát hương thơm, nhìn trong gương nước thì râu tóc đều hiện rõ, chẳng biết vì lý do gì mà được như vậy.

Khai Nguyên năm thứ hai mươi sáu, ngài về lại Cối kê, dặn dò môn nhân:

- Pháp của ba đời chư Phật, giới là nền tảng, nền tảng mà không tu thì đạo cách xa vời vợi. Thế nên lập giáo phải lấy giới làm đầu.

Ngài đem Luật số Nghiệp quận kết hợp với Sự Sao ở Chung nam, thẩm định dị đồng, tuyên thuyết chánh nghĩa, hậu học lợi ích vô cùng. Những nơi như Bắc Tế, Hà Sóc, Nam Việt, Kinh Môn, Tứ Phần Luật nhờ ngài mà thịnh. Nêu tỏ Luật để phá tối tăm, kết hợp lại làm lợi ích khắp chốn. Ngay lúc đến thì hồng hóa như vậy, hữu vi phát sinh nhờ đó mà dứt, cỏ cây thấm nhuần, mây lành vô tâm. Đến lúc đi thì tùy thuận như vậy, người đời trôi nổi, mối đạo vận hành, nhìn thì chẳng thấy, rộng lặng núi cao. Tiếc thay! Bài minh viết:

*Vượt nước mênh mông
Thích núi quay về
Đại sư thị tịch
Dựng liền linh tháp
Khuyến hóa thượng sĩ
Chăm tu pháp tịnh
Bậc đại uy nghi
Chẳng xen chẳng tạp
Đức rộng công sâu
Mây về theo biển
Kính cáo hậu lai
Ngàn vạn ức kiếp.*

12. Văn bia nói về công trạng của Tam tổ Cảnh Trí:

Năm này Tiết độ sứ Hoài Nam, Mục Ngự sử Dương châu, Đại phu Trương Diên Tường soạn hành trạng của Tam tổ ở Thư châu rồi dâng về triều. Tháng tư, thiên tử ban cho sư thụ là Cảnh Trí Thiên sư. Quan Thứ sử soạn văn bia rằng:

“Căn cứ sử sách trước đây từng ghi, Thiên sư hiệu Tăng Xán, không rõ quê quán ở đâu. Sư xuất hiện trong thời nhà Chu Tùy, đặc pháp với Đại sư Tuệ Khả, sau đó qua đất Nghiệp, đặc đạo ở núi Tư không. Sư cho rằng thân tướng không thật, nên thị hiện bệnh ghẻ; cho rằng pháp vô ngã nên chẳng chọn nơi ở nhất định; cho rằng chúng sinh bệnh tức là mình bệnh nên đến đâu cùng thuyết pháp, dùng nhất tướng độ người, chẳng trong chẳng ngoài, chẳng ở khoảng giữa, nên chỉ lập ngôn mà không dùng văn tự. Đại giáo của sư đại loại lấy tịch chiếu làm diệu dụng, tiếp độ muôn loài vượt qua sinh tử. Quán khắp bốn phương trên dưới chẳng thấy pháp, chẳng thấy thân, chẳng thấy tâm, cho đến

tâm lìa danh tự, thân bằng hư không, pháp như mộng huyễn, không chứng không đắc. Được như vậy mới gọi là giải thoát. Thiên sư đem mối đạo ấy trên thì phó chúc, dưới thì giải nghi, mây lành giăng bủa, khắp nước nhờ ân. Sư nói: “Giáo pháp phương Nam chưa đến nhưng ta đã có cái hạnh La phù”, đến mà chẳng đến, đi mà chẳng đi. Sau đó sư đem ca-sa và chánh pháp truyền cho người tử ngộ. Đạo còn ảnh mát, để thân lại núi này, đến nay đã hai trăm năm rồi.

Sau khi Hoàng đế lên ngôi được năm năm, đó là vào năm Canh Tuất, tôi làm quan lại trong châu này, lên đến nơi mà trước kia Thiên sư ẩn cư, xem khắp dấu tích nêu tận việc xưa, thế rồi sư được trà-tỳ và dựng tháp. Thật là cảnh đẹp hiếm thấy giữa núi rừng. Trước lúc vua xa giá lên đây, Hà Nam Y Triệu Quận Lý Công Thường đã đến đây rồi. Lời văn trong bia do Tùy Nội Sử Thị Lang, Hà Đông Tiết Công Đạo Hành, Đường Tướng Quốc Hà Nam Phòng Công Quán cùng bàn bạc và soạn. Còn như việc viết công trạng để tôn vinh, dùng lễ phong thụ hiệu, thì triều đình mới lập lại, muôn việc còn rối bời nên chưa làm kịp. Trưởng lão Tỳ-kheo Thích Trạm Nhiên tụng kinh dưới linh tháp mãi đến khi già như cây tùng dưới tháp, thường cảm thấy đau buồn vì tên họ của tiên sư trong nước chưa ai biết, nên cùng Đại Luật sư Trường Tuấn ở chùa Thiên chúng nhiều lần thành tâm cầu thỉnh. Cùng lúc đó Tung sơn đại Tỳ-kheo Thích Tuệ Dung từ Quảng Lăng đến, Đại Tỳ-kheo Thích Khai Ngộ ở chùa Thắng Nghiệp từ Lô Giang đến, họ đều mến mộ di huấn bảy đời sau của Thiên sư ta. Ngày ngày than tiếc vì chẳng có chiếu dựng tháp, chẳng có người tôn ngưỡng, sợ nền móng tượng pháp ngã nhào xuống đất, nên phát hoằng nguyện độ vô biên chúng sinh, lập thế nguyện giữ cái ân vĩnh cửu.

Thế rồi Châu Mục Ngự Sử Đại Phu Trương Công Diên Thường tâu về triều, tháng tư năm thứ sáu, Hoàng thượng bỗng nhiên hạ chiếu cho duy trì lại mối đạo đã hoại diệt, sắc phong sư thụ là Cảnh Trí, tháp hiệu là Giác Tịnh. Dùng bảy đại đức Tăng trông coi bảo tháp quét dọn, cúng dường. Lệnh vua ban xuống khiến cho chấn động núi non, ai nấy thấy đều vui mừng cho rằng Đại thừa đã được trung hưng. Thế là các đại Tỳ-kheo cùng bàn bạc lập bia ở phía Đông nam ngôi tháp, ghi lại đầy đủ lý do tâm tông hưng phế. Tôi nghĩ rằng, Trung Quốc có Phật giáo vốn khởi nguyên từ Hán Hiếu Minh đế, trải qua các triều đại Ngụy, Tấn, Tống, Tề và Lương Vũ Đế. Hối ấy nói đến Đệ nhất nghĩa đế thì không hơn được Bồ thí trì giới, vì thiên hạ mù mờ trong báo ứng, con người lại chẳng biết gì về thiên, con người và đạo pháp cùng bại

hoại. Đến Bồ-đề Đạt-ma Đại sư mới bắt đầu đem tâm yếu của chư Phật chỉ cho con người, con người vẫn nghi mà chưa suy nghĩ. Đại sư Tuệ Khả nhận lãnh yếu chỉ này, con người chỉ mới suy nghĩ nhưng chưa tu. Đến Tam tổ, thì di phong này dần dần lan rộng, pháp vị chân như ngày một ngập tràn, gốc rễ nhánh lá của muôn cây đều đượm nhuần mưa pháp. Từ đó về sau, Mật tàng của Không Vương, diệu ngữ của Nhị tổ mới bắt đầu có mặt ở thế gian, tuôn chảy vào lòng người. Đương thời những người nghe đạo với Thiền sư, cạn thì cũng biết hữu vi thủy đều là vọng tưởng, sâu thì ngay dưới lời ấy liền thấy được Phật tánh, chẳng khác nào ánh sáng chiếu đến vật, sớm là phàm phu mà chiều là Thánh hiền. Đại sư Đạo Tín chính là con người này.

Sau đó Đạo Tín truyền cho Hoàng Nhẫn. Hoàng Nhẫn truyền cho Tuệ Năng, Thần Tú. Thần Tú truyền cho Phổ Tịch. Môn đồ ngài Phổ Tịch có đến vạn người, sáu mươi ba vị thăng đường nhưng chỉ một người được tuệ tự tại đó là Hoàng Chánh. Môn hạ của ngài Hoàng Chánh, bậc long tượng lại đông gấp đôi. Có người giáo hóa ở Tung, Lạc; có người hoằng hóa ở Kinh, Ngô. Từ đó tâm tông truyền khắp thiên hạ, thịnh ngang với sáu đời.

Than ôi! Chê Thiền sư ta là nhị thừa, đời sau làm sao chẳng mê, mà đâu biết Thiền sư hạ sinh không làm chư Phật nên mới hiện thân Tỳ-kheo cứu vớt kiếp trước. Cũng như Nghiêu Thuấn đã mất đi, Chu công tế lễ, Trọng Ni thuật lại, Du Hạ hoằng truyền, khiến cho những người như Cao Đường, Hậu Thường, Từ Mạnh, Đới Khánh đều được làm tổ. Hễ đem những cái gì mà Thánh hiền xiển dương làm máu chột mực thước thì đều như vậy cả. Giống như các ông lập phu tử thế gia cho Tư Mã Tử Trường; như Tạ Lâm Xuyên soạn văn bia cho đại sư Tuệ Viễn. Nay muốn cho ngàn đời sau biết được toàn thân của Tiên sư, đầu mối của thiên môn. Sự kính ngưỡng của Đế vương ngay trong núi này thì phải xiển dương di phong, ghi lại thời gian ở trong dòng pháp. Tôi trước đây từng học đạo với Thiền sư rất lâu nên không thể từ chối. Bài minh viết:

*Tánh tịnh con người
 Đồng với muôn vật
 Trí chạy bên ngoài
 Nhiệm thành vọng thức
 Như sóng nổi lên
 Theo gió động lặng
 Dâm sợ tham nộ*

Là dao là giặc
 Sống chết có bờ
 Duyên khởi không bến
 Như Lai thương xót
 Khai mở độ môn
 Ngay vọng tử chân
 Liên chứng nguồn giác
 Mở ra tâm ấn
 Để lại đời sau
 Thiền sư ra đời
 Hoằng truyền Thánh giáo
 Hai mươi tám tổ
 Lần lượt truyền trao
 Như như Thiền sư
 Ứng thời hoằng hóa
 Đời tàn pháp diệt
 Chỉ đạo mãi còn
 Kẻ mê đến cầu
 Ta truyền bằng ý
 Dẫn về chân tánh
 Pháp thân viên dung
 Tánh thân vốn không
 Ta nói như vậy
 Như như Thiền sư
 Thành đạo bỏ đời
 Hai mươi thế kỷ
 Triều đình thịnh trị
 Đế vương sáng suốt
 Ưc diềm cầu lạ
 Hậu học ngày nay
 Vào cảnh giới Phật
 Lấy mà chẳng lấy
 Ai trói ai mở
 Vạn hữu ngàn năm
 Pháp này không hoại.

13. Bài ký về giới đàn tại chùa Bảo Ứng ở Phú châu:

Nhâm Tý: Lỗ Quận Công Nhan Chân Khanh soạn bài ký nói về

giới đàn tại viện Luật tạng trong chùa Bảo Ứng ở Phủ châu. Trong ấy nói:

“Như Lai thấy ba nghiệp thân, khẩu, ý khó điều phục nên chế tịnh giới để ngăn ngừa bên trong. Bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi nhiếp thiện tâm nên chế cách Bố tát để hiểu rõ bên ngoài. Nên nói: Ba-la-đề-mộc-xoa là thầy các ông. Thế nên Thiện Lai của Kiều-trần-như, thượng pháp của Ca-diếp-ba, tam quy của các Thanh Văn đều kiểm thúc chúng Tăng. Trong năm thứ mười bốn, Phật dùng Bát kính pháp để độ Ni giới, truyền pháp Yết-ma, khiến cho giới luật đi vào ổn định.

Thời Hán Minh đế, Kiến Ninh năm đầu có Sa-môn Thiên Trúc như Ngũ Diệp Môn, Chi Pháp Lãn... lần đầu tiên dịch Tứ Phần Luật Bản và Yết Ma tại Trường An, cùng truyền giới cho Đại Tăng. Đến đời Tào, Ngụy có mười vị Ni người Thiên Trúc sang truyền giới cho Ni. Thời Hậu Tần Diêu Hưng. Năm Hoàng Thỉ thứ mười một có ngài Phật-đà-da-xá ở Thiên Trúc dịch Tứ Phần Luật Bản và lúc đó Luật Tăng Kỳ thịnh hành ở Quan Trung, Luật Thập Tụng thịnh hành ở Giang Nam. Đến đời Nguyên Ngụy Luật sư Pháp Thông mới bắt đầu xiển dương Tứ Phần. Pháp Thông truyền cho Đạo Phú, Đạo Phú truyền cho Tuệ Quang, Tuệ Quang truyền cho Vân Huy Nguyên, Huy Nguyên truyền cho Ân Lạc, Ân Lạc truyền cho Hồng Vân, Hồng Vân truyền cho Hồng Tôn, Hồng Tôn truyền cho Trí Thủ, Trí Thủ truyền cho Đạo Tuyên, Đạo Tuyên truyền cho Pháp Lệ, Pháp Lệ truyền cho Mãn Ý, Mãn Ý truyền cho Pháp Thành, Pháp Thành truyền cho Đại Lượng, Đạo Tĩnh, Đại Lượng truyền cho Đàm Nhất, Đạo Ngạn, Đạo Siêu, Tuệ Trừng; Tuệ Trừng truyền cho Tuệ Khâm. Những vị ấy khẩu truyền những giáo nghĩa sâu kín của Luật tông cho nhau.

Ngài Tuệ Khâm họ Từ, là người Kiến Xương, Hồng châu, thuộc dòng dõi nhà Hán. Năm hai mươi hai tuổi, Sư đến tìm thầy tại Đổ sơn, Lâm Xuyên. Năm năm sau sư thế phát xuất gia tại chùa Long Cương ở Cao An, sau đó thọ giới Cụ túc. Hồi ấy có Pháp sư Nghĩa Tịnh là bậc Thượng Túc dịch kinh, người ta tôn xưng ngài là Linh Kiệt của Hồng châu. Sư là người tuyên dương giới luật và được tôn xưng là Lương Kinh Địch Pháp Duệ Khâm. Sư có trí tuệ thâm sâu, thần dụng cao vời, việc làm không có quyền thật, bản thân ra khỏi khai giá. Sư xiển dương Luật tạng rõ ràng như trời trăng, biện tài lưu loát như rồng voi vùng vẫy, tiếng tăm của sư vượt ngoài sông núi. Cuối năm Khai Nguyên, Sư qua phía Bắc thẳng đến kinh sư. Hồi đó Đại đức Sùng Phước Tiên thường tụng và giảng kinh Niết-bàn, đồng thời cũng rất giỏi về Câu-xá Luận, kinh

Kim Cang, Duy-ma. Sư cũng thăng tòa thuyết giảng mỗi ngày, pháp hội sư có đến hai, ba ngàn người. Từ đó tiếng tăm của sư lan đến cung vua. Gặp phải mối loạn Lộc Sơn, Sư chống tích về Nam, dựng chùa ở giữa hai ngọn Tây sơn và Hồng tĩnh. Sư mến mộ di tích của Cao Tăng Quán Hiển, nên dựng ngay am thất phía Bắc chùa này. Nơi đây phong cảnh núi khe thanh vắng đẹp lạ. Dù kiên Trì Luật tạng nhưng sư vẫn để tâm trong việc độ người, thích đọc Chu Dịch, Tả truyện, hạ bút thành văn. Sư trước tác Luật Nghi Phụ Diễn mười quyển, từng soạn bia ký nói về giới đàn tại chùa Long Hưng. Đó đủ thấy Sư là bậc kiệt xuất.

Năm thứ ba, Chân Khanh đến nhậm chức Thứ sử Phủ châu. Cách châu này bốn dặm về phía Đông nam có một cái đài cổ vốn là nơi Tổng thị Trung Lâm Xuyên nội sử Tạ Linh Vận dịch kinh Niết-bàn. Nền móng vẫn còn nguyên nhưng bậc thềm đã đổ nát, lúc này Cao hạnh Đầu-đà Tăng Trí Thanh đang trụ trì và tu sửa lại.

Mùa thu tháng bảy năm sau, Chân Khanh quyên góp tiền của vật liệu cũng gần đủ, lúc đó có Quán sát sư Thượng thư Ngự sử Đại phu Triệu Quốc Ngụy Công hứa sẽ tâu vua về việc của chùa Bảo Ứng nhân ngày sinh nhật của Hoàng đế, ông lại thỉnh thêm hai mươi một Cao Tăng đức hạnh. Ngày hai mươi ba tháng mười, vua đồng ý cho phép. Thế là một đàn tràng Trang Nghiêm được dựng lên tức khắc và thỉnh Chỉ Quán Đại sư Pháp Nguyên, Pháp Tuyền, Tương Dương Thừa Giác, Thanh Lương, Thiện Hoằng, La Phù Viên Giác, Phật Tích Bản Dụ, Dự Hàng Tuệ Đạt cho đến Thường Châu Hải Thông, Hải Ngạn... cùng ở đây tu tập, cầu phước cho quốc gia. Họ đã nhóm thành học chúng nhưng giới luật chưa được thiết lập. Tháng ba năm sau, họ bèn thỉnh Tuệ Khâm đăng đàn truyền trao giới pháp. Lại thỉnh những vị như Long Cương Đạo Cán, Thiên Thai Pháp Duệ, Chiêu Đề Trí Dung, Bạch Mã Pháp Dận, Hành Nhạc Trí Giác, Đồng Đức Nghĩa Doanh, Hương Thành Tạng Tuyền, Long Hưng Tạng Trí, Khai Nguyên Minh Triệt... cùng nắm pháp sự. Bấy giờ xa gần đều tụ về đạo tràng đều chật cứng, thánh tượng phóng hào quang, rồi Long vương không mưa đến bốn mươi ngày. Tăng Ni cả thấy, và Văn sĩ Chánh nghị Đại phu, Tiền vệ úy thiếu khanh Trương Diên Cao cũng bỏ tục về chân với pháp danh là Hoại Vỹ, làm người đứng đầu. Từ năm này về sau, những người theo sư thợ giới Cụ túc có đến hơn một vạn, rải rác khắp núi sông, xa hơn ngàn dặm. Tượng pháp đổi thay đều nhờ công giáo hóa của Sư.

Lâm Xuyên nằm ở góc núi, giới luật chưa truyền đến. Bấy giờ, Tăng Ni có đến hơn ba trăm người thỉnh ngài Pháp Duệ đến hoằng

truyền và y chỉ ngài. Về sau bậc Cao đức chùa Tư thánh ở Thượng đô là Hoàn Bản Luật chủ, một bậc tài cao đức trọng từng hết lời tán thán khen ngợi sư. Hoàn Bản dựng Phổ Thông Vô Ngại Thiền viện ở Đông Nam chùa này, trong ấy lại dựng Trấn Quốc Quán Âm Đạo Tràng thỉnh ngài Thiện Hoằng ở đó để khai ngộ tâm yếu. Đại sư Đàm Nhất nói: “Trí Dung chuyên tâm giữ luật, đáng bậc xuất chúng”. Ngài sai Trí Hoảng... dựng Luật tạng viện ở phía Đông Phổ Thông đạo tràng, trong viện lại dựng lập giới đàn, tổ chức theo nghi thức của ngài Tuệ Khâm, đồng thời ghi chép nghi thức nhằm lưu truyền lại. Khởi công không bao lâu, điện đàn Trang Nghiêm, cao vút liền hiện rõ, giới đàn nổi bật giữa ngôi chùa, dùng anh lạc chuỗi ngọc trang sức tượng Phật, quang minh sáng rõ như ngọc ma ni, người vào giới đàn quần đấp ca-sa, hương mầu xông khắp thần túc không lường. Nửa tháng sau mọi việc hoàn tất. Bấy giờ là năm Tân Hợi niên hiệu Đại Lịch đời Đường, Thứ sử Phủ châu là Lỗ quận Khai quốc công Nhan Chân Khanh ghi rõ lại việc này.

14. Đạo sĩ Sử Hoa tranh luận với Sa-môn Sùng Tuệ:

Năm thứ chín, Đạo sĩ Sử Hoa nhờ có pháp thuật nên được vua sủng ái, nhân đó Sử Hoa xin lập giàn dao nhọn rồi đấu phép với Sa-môn. Vua hạ chiếu cho hai bên chọn người, ngày giờ để thi đấu phân biệt thắng thua. Khi ấy có Sa-môn Sùng Tuệ không rõ quê ở đâu, ngài thường trì tụng Thủ-lăng-nghiêm Chú, dâng biểu xin tỵ thí với Sử Hoa. Vua dẫn bá quan đến xem. Sử Hoa bước lên giàn dao nhọn, rồi bảo Sùng Tuệ leo lên. Ngài đạp trên dao nhọn đi lên mà chẳng thương tích gì. Ngài thừa thắng bèn sai dọn củi trước sân đốt, lửa cháy bùng bùng ngài đi vào trong đồng lửa rồi gọi Sử Hoa vào. Sử Hoa sợ đến toát mồ hôi, không dám nhìn thẳng.

Vua vui mừng bãi hội, ban cho ngài hiệu là Hộ Quốc Tam Tạng. Về sau không ai biết ngài thị tịch lúc nào, ở đâu.

15. Lý Nguyên hỏi đạo với Sa-môn Viên Trạch:

Sa-môn Viên Trạch ngụ tại chùa Huệ Lâm, Đông đô rất thân với ẩn sĩ Lý Nguyên (Huệ Lâm tức là Nguyên Cự Đệ). Cha Lý Nguyên là Lý Đăng làm Tuần thú Đông đô, bị An Lộc Sơn sát hại, vì vậy Nguyên không làm quan thường ngụ trong chùa đàm đạo với Viên Trạch ngày này sang ngày khác. Có lần hai người cùng hẹn đi lên chơi núi Nga My. Nguyên muốn từ Kinh châu theo đường núi đi lên, Trạch muốn từ Tà Cốc, Trường An đi lên. Nguyên từ lâu vứt bỏ việc đời nên không muốn

vào lại Kinh sư, Trạch không ép. Hai người bèn từ Kinh châu đi thuyền lên Nam phổ. Giữa đường thấy một người phụ nữ mặc cái áo dưỡng thai vác cái lu đi múc nước. Trạch nhìn thấy khóc, nói:

“Điều ta không muốn nay đã tới rồi”.

Nguyên nghe, thất kinh hỏi nguyên do, Trạch nói:

- Người phụ nữ này mang thai đã ba năm rồi, đợi ta đến đầu thai làm con. Không gặp thì thôi, nay đã gặp rồi thì không trốn được. Ông phải dùng phù chú giúp ta sinh ra mau. Ba ngày sau đứa ấy sẽ được tắm, mong ông đến chơi và cười một cái để làm tin. Mười ba năm sau, ông sẽ gặp đức bé ấy bên ngoài chùa Thiên Trúc ở Hàng châu.

Nguyên nghe bùi ngùi, tắm xong đến tối thì Viên Trạch mất. Sau khi người phụ nữ sinh đứa bé được ba ngày. Nguyên đến thăm, đứa bé thấy ông quả nhiên mỉm cười. Ông liền kể mọi việc cho người nhà đứa bé ấy biết.

Chôn cất Viên Trạch xong, ông về lại chùa. Đúng như kỳ hẹn, ông đi từ đất Lạc qua đất Ngô để tìm lại lời giao ước. Đúng vào lúc ấy, ông thấy đứa trẻ chẵn trâu ở Cát Hồng Tĩnh gõ sừng trâu mà ca rằng:

*Ba đời thân hồn tiên đá cũ
Ngắm trăng ngâm vịnh chẳng nói năng
Hồ thẹn tình người lâu gặp lại
Thân này tuy khác tánh thường hằng.*

Nguyên liền hỏi:

- Ông Trạch vẫn khỏe chứ?

Đứa bé đáp:

- Anh Lý thật đúng hẹn, ở ẩn nhưng duyên đời chưa hết nên chớ gần nhau chỉ mong anh gắng sức tu hành mới mong được gặp lại.

Đứa bé nói xong, ca tiếp:

*Thân trước thân sau việc mệnh mang
Muốn nói nhân duyên sợ đau lòng
Núi sông Ngô, Việt sau này rộng
Về lại non sông sạch bụi hồng.*

Ca xong, đứa bé biến đâu mất. Lý Nguyên về lại chùa Tuệ Lâm. Đến năm Trường Khánh ông đã tám mươi tuổi. Ngự sử Trung thừa Lý Đức Dự dâng biểu tâu rằng:

“Lý Nguyên là bậc chí hiếu đoạn tâm với bổng lộc quan tước, hơn năm mươi năm ông ấy chỉ để tâm trong vắng lặng, lý hợp nguồn tâm. Một lời khai mở, trăm mối tuyệt cùng, ôm cái chân tiết sống giữa đời sạch. Thân trộm nghĩ rất lấy làm tiếc cho bộ hạ.”

Mục Tông hạ chiếu phong ngài chức Nguyên thủ gián Nghị Đại phu. Nhưng Lý Nguyên không vào triều, ở như vậy đến lúc mất.

16. Đàm Nguyên hỏi về ý chỉ Vô Phùng tháp: (Kỷ Mão)

Quốc sư Tuệ Trung sắp thị tịch, Đàm Nguyên hỏi:

- Trăm năm sau có người hỏi giáo lý cực tât thì đáp thế nào?

Tuệ Trung nói:

- Vua mà thương dân, dân sẽ có bù hộ thân, ông lo lắng làm gì.

Tuệ Trung vào triều từ giã Đại Tông. Đại Tông hỏi:

- Sau khi thầy diệt độ, đệ tử làm việc gì để ghi nhớ ngài?

Tuệ Trung nói:

- Bảo đàn việc dựng Vô Phùng tháp.

Vua hỏi:

- Hình dạng tháp thế nào?

Giây lâu ngài hỏi:

- Hiểu không?

Vua đáp:

- Không hiểu.

Ngài nói:

- Sau khi bần đạo mất, thị giả Ứng Chân sẽ biết việc này.

Ngày chín tháng mười hai, ngài nằm nghiêng bên phải thị tịch. Môn nhân đệ tử thỉnh nhục thân ngài an táng dựng tháp trên hang Đăng tử. Vua ban hiệu là Đại Chứng Thiên Sư.

Vua liền triệu Ứng Chân vào cung, đem việc ấy hỏi lại ngài. Giây lâu Ứng Chân hỏi:

- Thánh Thượng hiểu không?

- Không hiểu.

Ứng Chân liền nói kệ:

*Phía Nam sông Tương phía Bắc đầm
Trong có vàng ròng giữ một nước
Dưới cây không bóng thuyền cùng đến
Trên điện lưu ly chẳng ai biết.*

Đại Tông có lần đã ở tại điện này. Đại Tông chỉ Thiên hạ Quán quân dung sứ Ngự Triều Ân rồi hỏi với Tuệ Trung:

- Triều Ân cũng hiểu chút ít Phật pháp.

Triều Ân liền hỏi ngài:

- Cái gì là vô minh, vô minh từ đâu mà khởi?

Ngài đáp:

- Tướng suy Phật pháp nay hiện.

Vua hỏi:

- Sao vậy?

Ngài đáp:

- Nô bộc cũng hiểu và hỏi Phật pháp, chẳng phải là tướng suy hiện đó sao!

Triều Ân giận tím mặt. Ngài nói:

- Đó chính là vô minh, vô minh từ đó mà khởi.

Triệu Ân to tiếng chống đối:

- Có người nói nay thầy là Phật rồi phải không?

Ngài đáp:

- Triều đình có người nói ông nay là thiên tử rồi phải không?

Triều Ân lay sát đất nói:

- Đáng chết! Đáng chết! Triều Ân quả thật không phải thiên tử.

Ngài nói:

- Ta không phải là Phật, thế nên hai vị ấy không cùng hoằng hóa.

Triều Ân hỏi:

- Thầy mãi làm phàm phu mà không có lúc làm Phật sao?

Ngài nói:

- Về sau ta quyết sẽ làm Phật. Ông họ gì?

Ân đáp:

- Họ Ngự.

Ngài nói:

- Về sau ta làm Phật nhưng không phải tên là Tuệ Trung, về sau ông làm thiên tử đổi họ hay lấy họ Ngự?

Triệu Ân lay nói:

- Đáng chết! Đáng chết! Từ nay trở đi Ân này không dám luận Phật pháp với thầy.

Ngài nói với vua:

- Cái màn che nào giết kẻ nô bộc này?

Đình Tỵ: Năm thứ mười hai, Tể tướng Nguyên Tái, Vương Tấn đắc tội, Tái bị giết, tịch biên gia sản gồm năm trăm lượng Chung nhũ, tám trăm học hồ tiêu cùng những của cải khác. Vương Tấn bị tội chê bai Quát châu Thứ sử. Tấn vốn là người ăn chay thờ Phật, về già càng rất tinh tấn. Vợ mất, ông cải gia vi tự. Lúc đầu vua không biết kính trọng Phật pháp. Mỗi lần hỏi ông vì sao làm như vậy, ông đều đem phước nghiệp báo ứng nói cho vua nghe, dần dần vua thú hưởng Phật pháp.

Từ đó trong cung bắt đầu thờ Phật, tụng kinh, ăn chay rất tinh tấn. Quần thần thấy vua như vậy, cũng lo nói đến sống chết báo ứng, chẳng lo liệu mọi việc. Hồi ấy người ta cho rằng Vương Tấn và Đỗ Hồng Tiêm câu nê Phật pháp thái quá.

Mậu Ngọ: Lúa ba tiền một đấu. Mèo chuộc cùng bú với nhau.

17. Thiên sư Sùng Tuệ ở núi Thiên Trụ: (Kỷ Mùi)

Tháng ba, Hoàng thượng mất, Thái tử lên ngôi.

Năm thứ mười bốn, Thiên sư Sùng Tuệ ở núi Thiên Trụ thị tịch. Sư quê ở Bành châu, đắc pháp với Thiên sư Oai ở Ngưu Đầu, về sau trụ tại chùa Thiên Trụ. Có vị Tăng hỏi:

- Khi Đạt-ma chưa đến, nước này có Phật pháp không?

Sư đáp:

- Khi chưa đến đã có, còn nay việc ấy thế nào?

Tăng đáp:

- Con không hiểu.

Sư nói:

- Hư không muôn đời, gió trăng một sớm.

Giây lâu sư hỏi:

- Xà lê hiểu không? Ở ngay chính mình thì thế nào, can hệ gì đến Đạt-ma qua hay chưa qua làm gì. Ông ấy đến chẳng khác gã nhà buôn, bói toán. Thấy ông chẳng hiểu, ta cày phá cho ông; bói văn tài, xem kiết hung, tất cả đều ngay nơi ông, phải tự xem lấy!

Tăng hỏi:

- Thế nào là hiểu thấu gã thầy bói?

Sư đáp:

- Lúc ông vừa ra khỏi cửa đã không trúng.

- Thỉnh thầy nói việc trong tông môn.

Sư đáp:

- Trâu đá rồng dài vượt chân không.

Lúc ngựa gỗ hí trắng lặn núi.

- Thế nào là ý chỉ Tây lai?

Sư đáp:

- Vượn trắng ôm con về núi thẳm

Ong bướm lấy mật ở trong hoa.

Nói xong sư thị tịch, nhục thân chẳng hoại, đã mấy trăm năm nay vẫn còn nguyên.

18. Đức Tông: (Canh Thân)

Đức Tông tên là Quát, con trưởng của Đại Tông, lên ngôi đổi niên hiệu là Kiến Trung. Ông hạ chiếu bảo thiên hạ chớ chuộng điếm lành. Ông thả voi thuần đuổi cung nữ, dùng Lư Kỷ làm Tể tướng, dẫn đến mối loạn của Chu Tử, cũng may nhờ phước trời. Ông thọ sáu mươi bốn tuổi, an táng ở Sùng lăng, trị vì hai mươi lăm năm. Lập Tụng làm Hoàng Thái tử, bắt đầu chế định hai thứ thuế Thu, Hạ.

19. Bài tựa trong Thiên Tý Thiên Bát Văn-thù Kinh:

Tại chùa Càn Minh trên Ngũ Đài, Sa-môn Tuệ Siêu chép lại kinh Đại Thừa Du-già Kim Cang Tánh Hải Mạn-thù-thất-lợi Thiên Tý Thiên Bát Đại Giáo Vương do Đại Quảng Trí Tam tạng Bất Không dịch. Trong bài tựa nói:

“Đại Đường, Khai Nguyên năm thứ hai mươi mốt, ngày một tháng giêng năm Quý Dậu, tại đạo tràng trong chùa Tiến phước, Kim Cang Tam tạng trao Đại Thừa Du-già Kim Cang Ngũ Đảnh Ngũ Trí Tôn, Thiên Tý Thiên Phủ Thiên Bát Thiên Phật Thích-ca, Mạn-thù-thất-lợi Bồ-tát, Bí Mật Bồ-đề Tam-ma-địa Pháp cho Tăng Tuệ Siêu. Sau khi nhận lãnh pháp này xong, Tam tạng Bất Không phụng hành kinh này suốt tám năm, đến Khai Nguyên năm thứ hai mươi tám, ngày rằm tháng tư năm Canh Thìn, tại đạo tràng trong chùa Khai Nguyên, ngài dâng biểu tâu với Khai Nguyên Thái Thượng Hoàng. Đến ngày năm tháng năm ngài phụng chiếu dịch kinh này. Lúc ấy ngài đốt hương cúng dường bắt đầu phiên dịch, Tam tạng diễn dịch Phạm bản, Tuệ Siêu bút thọ, giáo pháp kinh Đại Thừa Du-già Thiên Tý Thiên Bát Mạn-thù-thất-lợi. Đến rằm tháng mười hai Thiên Bảo năm đầu, Tam tạng đem Phạm bản này và thư của Ngũ Thiên Trúc A-xà-lê trao cho Phạm Tăng Mộc-xoa-nan-đề Bà-già, bảo Phạm tăng này giao kinh và thư cho Bốn sư Bảo Giác A-xà-lê ở tại nước Sư tử bên Nam Thiên Trúc. Đến nay Phạm tăng ấy vẫn chưa quay về.

Sau đó tháng mười năm Đại Lịch thứ chín, ngài lại đến Đại sư Đại Quảng Trí Tam Tạng Hòa thượng ở chùa Đại Hưng Thiện đích thân nghe khẩu quyết của Đại Giáo Du-già Tâm Địa Bí mật pháp môn. Sau đó ngày rằm tháng tư, niên hiệu Kiến Trung năm đầu, ngài đến chùa Càn Nguyên Bồ-đề trên Ngũ Đài đem hai bản bằng tiếng Phạm và tiếng Hán đối chiếu nhau. Đến ngày năm tháng năm Tuệ Siêu sao chép lại. Tất cả đại giáo như Như Lai, Du-già Bí Mật Kim Cang Tam-ma-địa, Tam Mật Thánh Giáo Pháp môn cùng Bí Mật Nghĩa mà chư Phật Như

Lai xuất hiện ứng thế đều được thuật lại hết. Người tùy tâm mong cầu, thì trí sáng huyền thông, người nhất tâm tụng niệm thì không lo không thể nhập. Căn duyên cảm ứng đều nhờ vào kinh này, lên quả Bồ-đề, trừ sạch tà chấp, khế với hai bí mật, chứng đắc rốt ráo cùng lý vi diệu của pháp môn Yếu Bí Du-già. Thân, khẩu, ý nghiệp phải dùng trí tu trì, giới định tuệ liền thông đạt rõ ràng. Chứng quả Như Lai phải lấy lòng tin làm đầu, nương thuyền Bát-nhã vượt đến bờ bên kia. Nay thuật lại đức của Văn-thù, dấu tích linh thiêng nơi Hằng hà, thánh giác vô cùng, thần lực ngậm chuyển đã nhiều trần kiếp. Vì bi nguyện chẳng trụ Bồ-đề, bậc chánh giác vô thượng hiện làm Bồ-tát. Từ đây quang minh chiếu thế giới, đến núi Thanh Lương tiếp người nhẩn nhục, dẫn dắt quần sinh, hiện mây hiện đèn, nhẩn đến muôn vàn Bồ-tát thị hiện kỳ tích như hiện quang hiện tướng, ai nấy đều phát sinh chánh trí, làm lợi ích cho ba đời, chỗ dựa cho hàm linh, đều chứng đắc Bồ-đề.

Nhâm Tuất: Thâu tiền của kẻ giàu, thương nhân, có đến vạn đồng, quan mượn tiền dư này sung vào việc quân.

Quý Hợi: Thuế dần dần tăng cao.

20. Thiên sư Nam Nhạc Minh Toản:

Giáp Tý năm mười tám: Đổi niên hiệu là Hưng Nguyên. Năm này vợ Mao Hãn ở Thọ châu sinh đứa con là Mao Trái có hình người đầu heo, tai voi, chân loa, mang cá. Đứa bé cầm gậy sắt tự đánh mình, cầm chổi quét chùa chiến để trả quả báo ăn trộm tiền của thường trụ.

Thiên sư Minh Toản ở Nam Nhạc, không ai biết quê quán sư ở đâu. Trong niên hiệu Càn Nguyên, Tế tướng Lý Bí từ quan vào ở ẩn trong Hành nhạc. Sư ẩn cư ở Thượng phong, Bí liền qua yết kiến Sư. Sư tụng kinh, mới nghe rất bi thảm, nhưng càng nghe càng thấy thanh thoát. Lý Bí nghe lén, rồi nói với sư:

- Chẳng phải người ở ẩn, không biết Sư có ý ngao du không?

Sư nạt:

- Chớ theo giặc! Chớ theo giặc!

Lý Bí vẫn thản nhiên. Lúc lâu sư vẫn thấy Lý Bí đứng đợi rất cung kính. Sư hỏi:

- Ông ăn cơm chưa?

- Chưa.

Sư bèn nhóm lửa luộc khoai rồi cùng ăn và nói chuyện với Lý Bí. Lát sau, Bí cáo từ ra về. Sư vỗ lưng ông ta nói:

- Ông làm tốt chức Tế tướng trong mười năm.

Đến bấy giờ Bí mới cảm nhận lời của sứ nói đúng, liền tâu vua về đức hạnh của Sứ. Vua hạ chiếu thỉnh. Sứ giả đến thạch thất của sứ la lớn:

- Tôn giả đứng dậy lạy tạ thánh ân!

Sứ vẫn nhắm mắt buông thân ngồi yên chẳng đoái hoài gì cả. Sứ giả khen sứ là bậc thuần chánh nên cũng không ép, liền về triều bẩm báo mọi việc. Vua luôn miệng ngợi khen, tán thán sứ. Minh Toản làm bài ca, trong ấy nói:

*Cao thay vô sự không thay đổi
 Vô sự cần gì nói một đoan
 Thẳng lòng không tán loạn
 Việc khác chẳng cần đoan
 Quá khứ đã đi qua
 Vị lai tính làm gì
 Cao thay là vô sự
 Đâu từng có ai gọi
 Trong ngoài tìm công phu
 Thấy là kẻ si ngoan
 Thóc một hạt chẳng chứa
 Gặp cơm mới biết đói
 Người thế gian nhiều việc
 Chen lấn đến không kịp Ta
 Chẳng ham sinh thiên
 Cũng chẳng ưa phước điền
 Đói đến thì ăn
 Hết mệt thì ngủ
 Kẻ ngu cười ta
 Người trí biết ta
 Chẳng phải ngu đần
 Bản thể như vậy
 Muốn đi thì đi
 Muốn ở thì ở
 Thân mặc áo gai xấu
 Chân mang giày vải rách
 Nói nhiều bàn luận nhiều
 Lại thành ra nhàm lẫn
 Nếu muốn độ chúng sinh
 Không ngoài phải tự độ*

Chớ hủy thiên chân Phật
 Chân Phật không thấy được
 Diệu tánh và Linh đài
 Đâu từng chịu xông nung
 Tâm là tâm vô sự
 Mặt là mặt lão bà
 Kiếp đá có thể động
 Trong đây không hề chuyển
 Vô sự vốn vô sự
 Còn gì đọc văn tự
 Tẩy trừ gốc nhân ngã
 Ngâm hợp ý trong đây
 Muôn việc mỗi gân cốt
 Chi bằng ngủ dưới cây
 Vời vợi ngẩng đầu thấy trời xanh
 Xin cơm ngoài đầu nhận
 Đem công dùng công trở lại mê mờ
 Lấy thì chẳng được chẳng lấy tự thông
 Ta có một lời dứt ý quên duyên
 Khéo nói chẳng được chỉ dùng tâm truyền
 Lại có một lời không ngoài chân thật Nhỏ
 như đầu lông, lớn tựa vô cùng
 Vốn tự viên thành chẳng nhọc tôi luyện
 Việc đời rồi bù chẳng bằng gò núi
 Tùng xanh che nắng suối trong chảy hoài
 Mây núi làm màn trắng khuya làm móc
 Nằm dưới võng dây lấy đá gối đầu
 Chẳng hầu thiên tử há ham chut hầu Sống
 chết chẳng màng còn lo gì nữa Trăng
 nước vô hình ta thường an lạc Muôn
 pháp như vậy vốn tự vô sinh
 Cao thay! Ngồi vô sự
 Xuân đến cỏ tự xanh.

21. Thiên sư Kinh Khê Trạm Nhiên:

Thiên sư Kinh Khê Trạm Nhiên sắp thị tịch, Sư dặn dò chúng:

- Đạo lớn không phương không thể, sống ư? Chết ư? Yếu chỉ ấy nhất quán. Ta đi để thân lại núi này, đêm nay báo thân sẽ hết. Nay sẽ

cùng các ông đàm đạo quyết trạch.

Phàm nhất niệm vô tướng thì gọi là không, không pháp nào mà không đầy đủ gọi là Giả, chẳng một chẳng khác gọi là Trung. Ở phàm là ba nhân, ở Thánh là ba đức, đốt đèn thì trước sau đồng một tướng, lộ biển thì cạn sâu đều khác dòng, tự lợi lợi tha chỉ ở ngay đây. Các ông hãy ghi nhớ!

Nói xong sư thị tịch. Hàn Lâm Lương Túc soạn văn bia rằng:

“Thánh nhân không ra đời, tất có người giáo hóa đời. Từ Trí Giả phó pháp cho Quán Đảnh, Đảnh tái thế cho đến Tả Khê Huyền Lãng, đạo vẫn còn chưa tỏ đợi đến ngài mới phát. Vật báu ấy nhờ ánh lửa này mà trung hưng, những người thọ học tinh thông đến ba mươi chín vị, những người danh cao chức trọng ngưỡng đạo nghe danh cúi mình thọ giáo có đến mấy mươi. Thầy nghiêm đạo cao, xa gần đều quy hướng. Nếu chẳng phải là bậc Á thánh trụ thế thì làm sao người người đều quy tụ về Đông như vậy”.

Ất Sửu: Đối niên hiệu là Trinh Nguyên.

22. *Chỉ Quán Thống Lệ*: (Bính Dần)

Năm thứ hai, Hàn Lâm Lương Túc chỉnh sửa Thiên Thai Chỉ Quán luận xong, ông soạn tiếp Chỉ Quán Thống Lệ. Trong ấy nói:

“Dùng chỉ quán để làm gì? Để dẫn muôn vật trở về lại cái thực tế. Thực tế là cái gì? Là gốc của tánh. Muôn vật sở dĩ không quay về được vì nó mê mờ loạn động mà thành như vậy. Soi sáng cái tối thì gọi là sáng, ngăn chặn cái động thì gọi là tĩnh. Sáng và tĩnh là bản chất của chỉ quán. Trong nhân thì gọi là chỉ quán, trong quả thì gọi là Trí định. Nhân tức là Hạnh, quả tức là Thành. Hạnh tức là thực hành pháp này. Thành nghĩa là chứng đắc pháp này. Thánh nhân có nói kiến hoặc đủ làm mất chí, động đủ làm mất phương hướng, bấy giờ dùng chỉ mà quán nó, dùng tĩnh mà soi sáng nó, khiến cho động trở thành tĩnh, tĩnh trở thành sáng. Do nhân đối đãi mà thành pháp, phải đoạn tuyệt đối đãi mà soi đến gốc. Ngồi xe lớn mà chế ngự cái chánh, nưng việc lớn mà nắm quyền hành. Tĩnh tức nằm đạo tràng chẳng hai, cổ vũ nằm ở xứ sở nói ba, phải thật vi tế để thấu tận tánh, phải thật lặng yên mà thể nhập tánh linh. Nói gần thì mảy lông cũng khéo thông suốt, nói xa thì cửa ngõ trùng huyền cũng hay suốt thấu. Hễ dùng viên thì nó viên, vì vật không cố định; hễ dùng thật thì nó thật vì vật không hư vọng. Thánh nhân chỉ bày bằng những lời này quảng bá bằng yếu chỉ này. Ưu mà lại nhu, khiến tự cầu nó; nghị mà lại nghị khiến tự đến với nó. Đó là lý do

hình thành chỉ quán.

Tam đế là gì? Đó chỉ là một. Không Giả Trung là mấu chốt của cái một ấy. Không Giả là nghĩa tương đối, Trung đạo mới đích thực được gọi là một. Đây gọi là thuyết của suy nghĩ luận bàn mà không phải là yếu chỉ của cái một rốt ráo ấy. Tận cùng của một tức là ba, tận cùng của ba tức một, chẳng phải tương hợp với nhau mà thành, chẳng phải tương sinh mà có, chẳng phải tính theo nghĩa, chẳng phải cưỡng lập mà đặt tên. Lý tự nhiên, khi truyền thì gọi là dấu tích. Lý là gốc, dấu tích là ngọn, gốc là nơi mà Thánh nhân đến, ngọn là giáo mà Thánh nhân diễn bày. Từ gốc mà buông dấu tích. Nên mới có Tiểu, có Đại, có Thông, có Biệt, có Đốn, có Tiệm, có Hiển, có Bí, có Quyền, có Thật, có Định, có Bất Định. Lăn theo dấu tích trở về lại gốc, nên có Một có Đại, có Viên có Thật, có Vô trụ, có Trung, có Diệu, có Đệ nhất nghĩa. Đó là tính sâu kín của một và ba. Sở dĩ nói không vì thông đạt vạn pháp mà nói như vậy, Giả vì hình thành vạn pháp mà gọi như vậy, Trung vì vượt khỏi muôn pháp mà nói như vậy. Phá tất cả hoặc thì không gì bằng Không; lập tất cả pháp thì không gì bằng Giả; rốt ráo tất cả tánh thì không gì bằng Trung. Hễ nói Trung thì không pháp nào mà chẳng phải là Trung, nói Giả thì mọi pháp đều Giả, nói Không thì vạn pháp đều Không. Khi chứng thì gọi là Tam đức, khi tu thì gọi là Tam quán. Nêu cái chính yếu thì Thánh nhân đã dày công nghiên ngẫm cùng lý tận tánh. Kẻ tối khiến cho sáng, kẻ trệ khiến cho thông. Hễ thông thì ngộ, hễ ngộ thì đến, hễ đến thì thường, hễ thường tức là rốt ráo rồi. Hễ sáng thì chiếu, hễ chiếu thì hóa, hễ hóa thì thành, hễ thành tức là một rồi. Thánh nhân đeo níu vạn pháp nhưng chẳng sai, trải khắp vạn kiếp nhưng chẳng trái, chở khắp hằng hà nhưng chẳng có, quay về không vật mà chẳng không, nên tạm gọi là Phật, tạm xưng là Giác. Thấu tận yếu chỉ này thì tự tại giải thoát, còn đức nào to lớn vi diệu cùng cực hơn nữa. Hễ tam quán thành tựu thì kết quả như vậy. Nói viên đốn tức chẳng Tiệm thứ, chẳng phải Bất định. Đây chỉ luận nghĩa của mười chương. Mười chương này là cửa ngõ trọng yếu để khai diễn tận cùng con đường chung. Lược bớt năm chương tức là nêu cái bến bờ rộng lớn, cắt đứt bớt dòng phụ. Mười cảnh là mấu chốt để phát khởi, là nền tảng để tập quán. Mười thừa là sở tu của diệu dụng, là cửa ngõ để khởi hạnh. Bắt đầu là chánh quán và kết thúc là thấy cảnh, vì nghĩa đã hoàn bị. Ngoài ra những thứ khác chẳng phải cái trọng yếu để tu tập. Thừa là cái gì? Là vật để chuyển tải vật. Mười là gì? Là việc phải chuyển tải. Biết cảnh ấy vi diệu, chẳng cần đi mà đến thì đó là Thượng đức. Như vậy một thừa được rồi, nhờ chín cái

còn lại làm gì? chín cái kia không phải là thuyết tương sinh nào khác, mà người chưa đến tất rất cạn cợt, cho nên phát tâm thì phát cái không thể phát, an tâm thì an cái không thể an, phá khắp thì phá cái không thể phá ấy. Thế nên các thừa khác đều bất đắc dĩ mà phải nói như vậy. Đến như những nghĩa khác đều phán liệt lâm chương mục, thì xét ra nó rộng mà không rườm rà, tóm lại đơn giản mà không thiếu ít. Nó giống như móc xích không thể gỡ ra, như hạt châu trong suốt không hề xen tạp, như gương treo không thể giật lẩy, như sông rộng không thể ngăn bờ. Bàn đến tông thì nhiều cửa ngõ nhưng không phải tranh luận, nói đến kinh thầy đều chánh nghĩa mà không phải nói suông. Luận về tánh cạn sâu của Tứ giáo thì mỗi việc đều có nguồn gốc. Hình thành nhân duyên của Nhất sự thì lý vẫn không thừa. Ôi! Chỉ quán là sách cứu đời làm tổ đạo, nếu chẳng phải là Thánh trí siêu tuyệt, đứng cao chót vót thì ai có thể làm được nếu chẳng phải bậc thông minh thâm đạt, tỏ ý thấu sự thì ai có thể biết được. Người học ngày nay chuyên dùng văn từ chương cú, giải thích trên chữ nghĩa, chẳng phải là hạn hẹp kém cỏi lắm đó ư. Có người cho rằng, cảnh không thể nghĩ bàn, việc không thể nghĩ bàn đều là lãnh vực của bậc chí thánh, hàng đẳng giác vẫn chưa thấy biết rõ ráo được. Còn như phàm phu, tâm hạnh thì sanh diệt, Tam Hoặc thì đầy dầy, ngay trong ngôn thuyết rồi suy ra lý thượng diệu, thì đó vẫn là chỉ gà con mà bảo là đại bàng, thấy trùng mùa hạ mà bảo là lớp băng. Đó đủ thấy không phải là kẻ sáng suốt rồi.

Nay nói về chỉ quán, văn tự có đến vạn số, tìm khắp quả địa không ích lợi cho người sơ học, lẽ đâu cứ mịt mờ tự tu, việc gì đến thì tự đến, cần gì phải toan tính hưởng đi cho mình sao? Thế nhưng sư thật không phải vậy. Nói cảnh giới của Thượng thánh, lẽ đâu cảnh giới ấy cách xa với vợ thăm thăm mịt mờ với cảnh phàm chăng? Mà đó chỉ là một tánh mà thôi. Được thì gọi là ngộ, mất thì gọi là mê, đó chỉ là một ký. Mê thì làm phàm phu, ngộ thì làm Thánh nhân. Mê thì tự cách xa lý nhưng không cách, mất thì tự đánh mất tánh nhưng không mất. Chỉ quán ra đời với mục đích lia những điểm dị đồng mà cứu xét cùng tận đến Thánh trí, khiến cho chúng sinh chánh tánh mà thuận lý. Hễ chánh tánh thuận lý tức là đi trên đường giác, đến được cảnh giới thù thắng. Người không biết giáo lý này thì sở học từ đâu mà vào, hành động từ đâu mà thi thiết, trí từ đâu mà phát khởi? Chẳng khác nào kẻ mù chẳng thấy ánh sáng đi trong đường hiểm nạn, sụp hầm xỉa hố mà có thể thắng mình được ư. Ôi! Cách Thánh đã xa, người hiền không xuất thế, những bọn ngu muội chỉ là hàm thức mà thôi đến nỗi khiến cho tà ma lừa dối,

phe nhóm nổi lên như ong, có, không... đều là hằm hớ. Có kẻ chấp chặt văn tự mà chẳng dám thực hành, có kẻ thả trôi theo sóng dữ mà chẳng biết dừng, có kẻ cho là quá xa rồi cam tâm không đến, có kẻ cho là quá gần ở ngay thân ta, có kẻ như cây khô mà cho là định, có kẻ quá ồn ào mà bảo là tuệ, có kẻ bôn ba trái đạo mà cho đó là Quyền, có kẻ dựa quý thần rồi cho mình đã thông, có kẻ phóng tâm mà cho là rộng, có kẻ ít nói rồi cho là mật, có kẻ miệng lưỡi lén truyền rồi cho là khẩu quyết. Những kẻ ấy tự lập làm tổ, rồi tổ thành tông, phản kinh nghịch thánh, mê mờ chẳng tỉnh.

Trọng Ni từng nói:

“Đạo sở dĩ không sáng tỏ, ta vốn biết điều đó chỉ vì bị muôn vật trói buộc mà thôi. Xót thay!”.

Tùy Khai Hoàng thứ mười tám, Trí Giả xuất thế. Đến triều ta niên hiệu Kiến trung đã hai trăm năm rồi. Ngài đem giáo này truyền xuống gồm năm Đại sư. Người đầu tiên là Quán Đảnh, kế đến là Tuệ Oai, Đông Dương Trí Oai, Tả Khê Huyền Lăng, và người thứ năm là Kinh Khê Trạm Nhiên. Đại sư Trạm Nhiên là người có tuệ giải bậc nhất trong tông môn, đã phụng theo di huấn của thầy mình tập thành lại bộ sách này, nhưng không lấy văn từ làm chính. Có khi mất lại thành nhiều, có lúc được nhưng lại ít, ở ngay trong tuệ giải mà nắm bắt truyền trao mà thôi, chứ mỗi đạo chẳng đổi dời.

Năm Thiên Bảo, Tả Khê bắt đầu hoằng truyền chánh giáo, nhưng người hiểu biết vẫn còn rất ít. Đến đại sư Kinh Khê mới truyền rộng ra, đồng thời ghi lại mấy mươi vạn lời để tóm thâu giáo pháp. Thật công phu, thật hoàn bị! Sau khi Kinh Khê thị tịch, hậu học biết đến giáo pháp này chỉ có ba, bốn người.

Cổ nhân nói:

“Sinh ra đã biết là thượng căn, học mà biết là hạ căn, đã không biết lại không chịu học là hàng hạ liệt”.

Phàm sinh ra đã biết là do tánh đức. Học mà biết là do có bảm tánh thông minh. Còn như kẻ ham hố dục lạc, bịt tai nhắm mắt, dù cũng học nhưng chẳng biết được gì. Đó là hạng hạ liệt. Người học ngày nay bên trong bị bệnh che lấp, bên ngoài bị phiền não đẩy đưa, đến cả đời cũng không thông được giáo này, nhiều năm nhưng cũng chẳng có chút lợi ích. Đó là do thói quen văn chương như đôi dép cùm xiềng đôi chân, câu cú rối bởi chẳng khác trấu cám làm mờ đôi mắt. Do vị thầy không có khả năng, dạy kẻ đệ tử không lãnh hội được, cho nên pháp môn chỉ quán chưa xán lạn ở đời. Tôi thường ray rức thế nên chỉnh sửa lại đại

cương, tóm thâu lại then chốt, lý vẫn còn nguyên, giáo rất thiết thực, có đoạn thay đổi, có đoạn trích dẫn, nghĩa rất sâu xa, văn từ lại đơn giản, có đoạn lược bớt đi, có đoạn chỉnh sửa lại, những điểm lỗi lầm mười phần đã sửa hết chín. Tuyên thuyết nghĩa rộng nghĩa hẹp, từ ba chỉ còn lại một, bỏ cái ngưng trệ, dẫn kẻ ngu mê, chứ còn di huấn cho người khác thì tôi không dám. Nếu những người cùng kiến giải cùng thực hành thì chẳng vì chỉ quán mà bắt tội tôi, mà cũng chẳng giấu giếm làm gì.

Năm Giáp Tý niên hiệu Kiến Trung tôi bắt đầu biên soạn mãi đến ba năm sau, tôi khắc bản hoàn thành.

23. Vua viết lời tựa trong kinh Đại Thừa Ba-la-mật:

Mậu Thìn: Năm này Tam tạng Bát-nhã vừa dịch xong kinh Đại Thừa Lý Thú Lục Ba-la-mật. Hoàng đế Đại Tông tự tay soạn lời tựa:

“Đại giáo mất đi, hữu vi liền khởi, danh lợi níu kéo đức, xảo trí làm bại hoại nguồn chân, ái ố truy kích tánh tình, nhân duyên bó buộc tập nhiễm. Bên trong thì trăm mối rối bời, bên ngoài thì sáu căn dụ dỗ. Lý trời diệt mà chẳng biết, nguồn đạo mê lại quên về, trầm luân trong biển khổ hết kiếp thì quay lại từ đầu, chỉ có những người chí chân thấu tỏ ngọn nguồn vạn vật, vượt khỏi ba cõi, mở cái độc lập mà chẳng đổi, thay cái chớ hữu mà vẫn thường nhiên. Thế nên hay khai dẫn quần mê tế độ hàm thức.

Kinh Lục Ba-la-mật là bến bờ của các pháp, là diệu lý của độ môn. Xưa Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai hóa thân làm Bồ-tát diễn nói. Trải qua nhiều kiếp lâu xa mà chân kệ vẫn tịch liêu. Trong pháp hội ở Kỳ-xà-quật, Văn-thù-sư-lợi và Bồ-tát Di-lặc cùng tuyên thuyết việc này thành Nhất thiết chủng trí, hợp vô lượng nghĩa nhân. Chỉ có Phật mới biết, chỉ có Phật mới thuyết. Giáo pháp tất có chủ, đều nằm cả ngay đây. Thế nên Thích-ca Như Lai vì pháp mà phải đợi đến thời mới xuất hiện. Ba thân chẳng khác, cho nên ở đời nhưng vẫn thường lia đời, muôn hạnh chẳng tu, nên tùy xứ mà tự tại. Vận sức từ bi, mở cửa nhiếp hộ, ngay nơi lục trần mà chỉ bày lục độ, dẫn dắt pháp phần, chứng đắc Pháp thân, kết tập cái rối bời, nhân lý mà tỏ ngộ. Đó là yếu chỉ của chân Bát-nhã.

Thế nên Từ Thị khéo hỏi, Như Lai tán thán, trời buông hoa báu, mây kết bảo cái, cam lồ chảy tràn, quang minh chiếu diệu, khiến cho kẻ mê hiểu cạn hiểu sâu đều chứng đắc huệ tự nhiên, làm cho hằng sa ức chúng hay thông được trí Bát-nhã. Có lần đem việc này cùng luận biện, Nho gia cho rằng người thành thật thì tự thành tựu, đạo tự dẫn dắt.

Phàm người bên trong thành thật với chính mình thì chẳng cần gắng sức, nhưng khéo hợp, chẳng cần tư duy nhưng chứng đắc, hễ thành thật với muôn vật bên ngoài thì không nói nhưng vẫn hợp, không làm nhưng vẫn thành. Trong thì chứng đắc Pháp thân, ngoài thì rộng mở sức từ, đó là do sức của đức mà nên, do công giáo hóa mà thành. Gió xuân hễ thổi đến thì vạn vật đều xanh tươi, mặt trời mà lên cao thì quét sạch mọi ám tối. Cái đạo thay đổi đất trời, đại đồng với cái tình mà thần minh ngâm ca ngợi. Ai dám bảo rằng nó khác nhau. Khác đường nhưng quy về một, lý ấy rõ ràng, trăm nghìn phụng nghiệp lớn, chăm lo muôn dân, mong bề rộng bền lâu, chánh giáo trường tồn, dấu linh khéo hợp với kinh điển. Diệu thuyết nơi Xá thành từ lâu chôn chặt trong Phạm văn, cứ mong được bóc ra nhưng chưa mở được di điển, những lời nhiệm mầu chẳng còn che lấp, sẽ phát khởi từ đây.

Thế rồi Sa-môn Bát-nhã người nước Kế Tân, nhận chiếu tuyên dương, Sa-môn Quang Trạch khéo léo diễn dịch, bấy giờ chư Đại đức như Đạo Dịch ở chùa Tư Thánh, Siêu Ngộ ở chùa Thế Hiển, Ứng Chân ở chùa Từ Ân, Viên Chiếu ở chùa Trang Nghiêm, Đạo Ngạn ở chùa Quang Trạch... là những bậc thượng thủ trong pháp môn, bậc long tượng trong loài người. Họ nêu cao diệu nghĩa, thấu tỏ huyền văn, biết bảo thành Thích-ca, hay Mãn tự của Đại Giác.

Ngày hai mươi tám tháng mười hai năm Mậu Thìn niên hiệu Trinh Nguyên thứ tư, Tam tạng Bát-nhã dịch hoàn tất bộ kinh này tại chùa Tây Minh và dâng cho vua. Bộ kinh gồm mười quyển, như rồng thần vùng vẫy, như từ kim khẩu nói ra. Phạm chúng cũng hộ trì, chẳng khác hào quang hiển hiện. Trăm trai giới tẩy tâm, ngưỡng cầu nguồn tông, nghe được những điều chưa từng nghe, thật là hiếm có! Nhân lúc rảnh rỗi, đọc đến ba lần, tuy biển pháp sâu xa, sóng dội chẳng nhường, liền hạ bút lược nêu vài lời, nhắn gửi người sau”.

24. Thiên sư Mã Tổ Đạo Nhất:

Tháng hai, Đại sư Mã Tổ Đạo Nhất ở Giang Tây thị tịch. Sư họ Mã, quê ở Thập Phương, Hán châu. Sư có dung mạo phi phàm, đi như trâu, nhìn như cọp, lưỡi dài khỏi mũi, dưới chân có hai đường vân như bánh xe. Sư gặp Thiên sư Hoài Nhượng và mật kế tâm pháp. Đầu tiên, từ Kiến Dương sư dời qua Lâm Xuyên, sau đến Nam Khương. Sư đi đến đâu cũng nhóm chúng thuyết pháp, dựng lập thiền lâm.

Trong niên hiệu Đại Lịch, Sư ở tại chùa Khai Nguyên thuộc Dự chương. Có lần sư khai thị chúng:

- Mỗi người các ông đều phải tự tin tâm mình là Phật, tâm này tức là Phật. Đại sư Đạt-ma từ Nam Thiên Trúc sang đây truyền pháp Thượng thừa nhất tâm khiến các ông khai ngộ. Ngài lại dẫn kinh Lăng già để ấn chứng tâm địa chúng sinh, vì sợ các ông điên đảo chẳng tự tin mình. Pháp nhất tâm này mỗi người các ông đều có. Thế nên kinh Lăng-già nói:

“Lời Phật lấy tâm làm tông, cửa không làm cửa pháp”.

Lại nói:

“Phàm người cầu pháp phải không có đối tượng tìm cầu, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm, chẳng lấy thiện, chẳng lấy ác, hai bên dơ sạch cũng chẳng gá nương, thể đạt tánh tột rỗng rang, niệm niệm đều không câu chấp vì nó không có tự tánh”.

Nên nói: “Ba cõi chỉ do tâm, sum la vạn tượng đều là bóng dáng của một pháp. Hễ thấy sắc tức thấy tâm, tâm này chẳng phải tự tâm, vì do sắc mà có”.

Các ông chỉ tùy thời cơ nói năng, tức sự tức lý thấy đều vô ngại, đạo quả Bồ-đề cũng y như thế. Ngay tâm sinh ra thì gọi là sắc, vì biết sắc rỗng rang nên sinh tức chẳng sinh. Nếu tỏ ngộ ý này, mới có thể tùy thời ăn cơm, mặc áo, nuôi lớn thánh thai, mặc cho tháng ngày trôi qua, chẳng vướng bận việc gì cả. Các ông nhận lãnh lời ta dạy, nghe ta nói kệ:

*Đất tâm tùy thời nói
Bồ-đề cũng vậy thôi
Sự lý đều vô ngại
Ngay sinh tức chẳng sinh.*

Sau đó sư tịch tại chùa Khai Nguyên. Trước đây có lần sư đi ngang Thạch Môn ở Lạc Đàm, Dự Chương, Sư thích núi sông nơi này kỳ vĩ, hang động bằng phẳng, bèn quay lại nói với đệ tử:

- Thân cũ mục của ta ngày sau sẽ gởi lại đây.

Đến bấy giờ môn đệ bèn thỉnh linh cốt xá-lợi của sư về dựng tháp ở Thạch môn. Tướng quốc Quyền Đức Dư soạn văn bia, Tuyên Tông ban sư thụ là Đại Tịch Thiên sư. Đệ tử đắc pháp đến một trăm ba mươi chín người, mỗi người một phương làm tông chủ nối nhau hoằng truyền. Thời bấy giờ Thiên tông cực kỳ hưng thịnh.

25. Thiên sư Đại Châu Tuệ Hải:

Sư quê ở Kiến châu, đầu tiên tham yết Mã Tổ. Tổ hỏi:

- Ông từ đâu đến?

- Từ chùa Đại Vân ở Việt châu.
- Đến đây cầu việc gì?
- Cầu Phật pháp.

Tổ hỏi:

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài đến, bỏ nhà bỏ ba đi tìm cái gì? Ở đây ta chẳng có một vật, cầu Phật pháp cái gì!

Sư lễ bái thưa:

- Cái gì là kho báu nhà mình của Tuệ Hải?
- Điều mà nay ông hỏi ta, đó chính là kho báu của ông, đầy đủ tất cả chẳng hề thiếu thốn, mặc tình sử dụng, cần gì phải tìm cầu bên ngoài.

Ngay lời này sư liền nhận ra bản tâm chẳng nhờ hiểu biết, Sư lay tạ xong ở lại hầu Tổ.

Sau đó rất lâu, vì Bốn sư tuổi già sư phải về phụng dưỡng, từ đó sư giấu kín chỗ thâm ngộ của mình, bề ngoài chỉ hiện như kẻ ngu muội. Sư soạn Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn một quyển nhưng bị những kẻ hiểu sự trộm mất. Đến khi Mã Tổ đọc được, Tổ liền nói với đại chúng:

- Việt Châu có viên đại châu tròn sáng thấu suốt tự tại vô ngại.

Trong chúng có người biết Sư vốn là họ Châu, liền rủ nhau đến tham vấn. Từ đó tiếng tăm của sư vang dội khắp nơi. Sư thuyết pháp như lật ngược biển, cuộn cuộn tuôn trào, tự tại vô ngại. Tác phẩm Đốn Ngộ Môn và Quảng Ngữ của sư còn lưu hành ở đời.

26. Thiên sư Thạch Đầu Hy Thiên:

Canh Ngọ: Nghinh đón xá-lợi của Phật.

Năm thứ sáu, Thiên sư Thạch Đầu Hy Thiên thị tịch. Sư đắc pháp với Thanh Nguyên. Trong năm Thiên Bảo, Sư ở tại Nam tự, Hành sơn. Phía Đông chùa có một khối đá cao giống như cái đài, Sư lên kết am tranh và ở đó. Thời ấy người ta gọi sư là Hòa thượng Thạch Đầu. Quý thân ở Nam Nhạc nhiều lần yết kiến sư và nghe pháp, sư đều truyền trao giới pháp cho họ. Trong niên hiệu Đại Lịch, hóa chủ Giang Tây là Mã tổ, hóa chủ Hồ Nam là Thạch Đầu tiếng tăm vang dội, người học đua nhau đến tham học với hai Đại sĩ này. Có lần sư khai thị chúng:

- Pháp môn của ta do Phật pháp truyền trao, không luận là thiên định tinh tấn, chỉ cần thể đạt tri kiến Phật, tức tâm tức Phật. Tâm, Phật chúng sinh, Bồ-đề, phiền não tên gọi khác nhau nhưng thể vốn đồng. Các ông phải biết tâm linh của mình, thể vốn lìa tánh đoạn tánh thường, chẳng phải dơ sạch vắng lặng tròn đầy, phàm thánh ngang nhau, ứng

dụng khôn lường, lìa tâm ý thức. Ba cõi sáu đường chỉ do tâm hiện, như trăng đáy nước, như bóng trong gương, lẽ đâu có sinh diệt? Các ông phải biết, nó không thứ gì mà chẳng đủ.

Hồi ấy sư xem bộ luận của ngài Tăng Triệu nói:

“Thể nhập muôn vật làm chính mình, lẽ đâu chỉ có Thánh nhân thôi ư!”.

Sư hoát nhiên nói:

- Thánh nhân không thôi, không gì chẳng thôi.

Nhân đó sư trước tác Tam Đồng Khế, trong ấy nói:

*Trúc Đại sĩ tâm tiên
 Đông Tây ngậm truyền trao
 Căn cơ có lợi độn
 Đạo không tổ Nam Bắc
 Nguồn linh sạch sáng bừng
 Nhánh cành ngậm lưu chuyển
 Cháp sự vốn là mê
 Khế lý chẳng phải ngộ
 Cửa ngõ tất có cảnh
 Vần xoay chẳng vần xoay
 Vần nhưng lại vượt qua
 Chẳng vậy nương vị trụ
 Sắc vốn khác chất tượng
 Thanh vốn không khổ vui
 Tối hợp lời trung hạ
 Sáng tỏ câu trong đục
 Tánh bốn đại tự về
 Như con gặp được mẹ
 Lửa nóng, gió chuyển động
 Nước ướt, đất vững bền
 Màu mắt, âm thanh tai
 Mùi mũi, lưởi nếm vị
 Nhưng nương tất cả pháp
 Nhờ gốc lá xoe tàn
 Gốc ngọn phải về tông
 Tôn ty dùng lời này
 Ngay trong sáng có tối
 Chớ cùng tối gặp nhau
 Ngay trong tối có sáng*

Chớ cùng sáng thấy nhau
 Sáng tối là đối đãi
 Giống như bước trước sau
 Muôn vật tự có công Phải
 nói dùng hợp xử
 Sự phải ngầm ứng hợp
 Lý phải dựng lập trước
 Dưới lời phải hợp tông
 Chớ tự lập quy củ
 Mắt thấy chẳng hợp đạo
 Dở chân đâu biết đường
 Bước tới chẳng xa gần
 Mê vốn cách núi sông
 Kính bạch người tham huyền
 Chớ luống qua ngày tháng.

Quý Dậu: Trương Bàng xin mở thêm thuế trà, số tiền thuế thu được là bốn mươi vạn tiền. Thuế trà phát xuất từ đây.

27. Vua hạ chiếu thỉnh Quốc sư Thanh Lương giảng đề kinh Hoa Nghiêm:

Bính Tý: Năm thứ mười hai, vua lệnh cho Hà Đông Tiết độ sứ Lễ bộ thượng thư Lý Sằn sắm đủ lễ nghi đón Pháp sư Trừng Quán vào kinh đô. Trừng Quán đến, vua hạ chiếu thỉnh sư cùng Tam tạng Bát-nhã người Kế tân phiên dịch phần sau của kinh Hoa Nghiêm do nước Ô trà dâng cúng. Vua đích thân đến dịch trường. Ngày nào không đến, vua nhờ Tăng là Tịch Quang gửi Dục rằng:

“Hoàng đế vì nhân duyên quốc sự, xin như pháp tăng sự gửi dục thanh tịnh”.

Sư phụng thánh chỉ phiên dịch xong, dâng vua. Vua thỉnh sư khai thị tông chỉ Hoa Nghiêm. Quần thần đều vân tập, Sư thăng tòa nói:

- Hoàng đế ngự thế, đức hợp đất trời rạng tỏa muôn phương dịch tiếp kinh điển. Gió Đông thổi tới, Tây Thiên tổ chí thành vượt biển. Nam ấn ngự thư, cửa Bắc hiển chí kính cho triều đình, đặt giáng minh chiếu, dịch tiếp chân thuyên, làm rạng đạo mầu phát huy lý mới. Trừng Quán tôi may được thánh thượng gia ân, kính nhận thánh ý, phụng chiếu nơi dịch trường, thừa chỉ ngầm tán, khôn xiết vui mừng, tỏ tâm sáng ý. Giọt sương nơi ao trời hàm tàng mùi vị của trăm sông. Bụi trần nơi Hoa nhạc không hơn đỉnh cao vạn nhận. Tận cùng hư không có thể đo được,

nhưng thể vốn rộng lớn vô biên; biển cả có thể uống cạn, nhưng pháp môn với vợ khôn lường; bụi trần sát có thể đếm hết, nhưng lực dụng bao la không lường biết được. Là giác và sở giác thấu tỏ mối huyền của vạn pháp là Phật; diễn bày muôn hạnh làm xán lạn tinh hoa của muôn đức, làm viên mãn hạnh đức này mà Trang Nghiêm mười thân. Xâu suốt lý huyền kết thành vẻ đẹp của chân quang là kinh. Thâu tóm bảy chữ này làm thành mối lớn của một bộ, khế hợp với bản tánh, chẳng hạnh nào mà chẳng trải qua. Thế nên diễn nói vô biên thắng hạnh của Phổ Hiền. Hạnh khởi thì giải dứt, trí chứng thì viên minh, dung thông vô ngại, thọ dụng trước mắt.

Vua nghe xong, vô cùng vui mừng, ban cho sư ca-sa tía, và phong hiệu là Giáo Thọ Hòa Thượng.

Sau đó Tướng quốc Tề Kháng, Trịnh Dư Khánh, Cao Trình thỉnh sư soạn Hoa Nghiêm Cương Yếu ba quyển. Tướng quốc Lý Kiệt Phủ, Thị lang Quy Đăng, Phò mã Đỗ Tông thỉnh sư soạn Chánh Yếu một quyển. Nam Khương vương Vĩ Cao, Tướng quốc Vũ Nguyên Hành thỉnh sư soạn Pháp Giới Quán Huyền cảnh một quyển. Bộc xạ Cao Sùng Văn thỉnh sư trước tác Cảnh Đăng Thuyết Văn một quyển. Tư đồ Nghiêm Thụ, Tư không Trịnh Nguyên, Thứ sử Lục Trường Nguyên thỉnh sư soạn Tam Thánh Viên Dung Quán một quyển. Tiết độ sứ Tiết Hoa, Quán sát sứ Mạnh Giản, Trung thư Tiên Huy, Thập Di Bạch Cư Di, Cấp sự Đỗ Cao... thỉnh sư chế tác Thất Xứ Cửu Hội Hoa Nghiêm Giới Đồ Tâm Cảnh Thuyết Văn mười quyển. Sau đó sư cùng Tăng Lục Linh Thúy Đại sư, mười tám bậc thủ tòa, Tam học thượng lưu của mười chùa khác cùng chế tác Hoa Nghiêm Viên Giác Tứ Phần Trung Quán... Những bộ kinh, Luật, Luận do sư trước tác đến hơn ba mươi bộ, đều là những tác phẩm quý giá, ở phương diện nào sử dụng cũng được.

28. Vua hạ chiếu thỉnh Quốc sư Thanh Lương giảng tông chỉ Hoa Nghiêm: (Kỷ Mão)

Năm thứ mười lăm, Quốc sư Thanh Lương được vua phong hiệu là Trấn Quốc Đại sư và chức thiên hạ Đại Tăng Lục.

Tháng tư, trong ngày sinh nhật của vua, vua hạ chiếu sai quan Hữu ty sắm đủ lễ nghi nghênh đón Hòa thượng Giáo thọ Trừng Quán vào nội điện xiển dương tông chỉ Hoa Nghiêm. Sư thăng tòa nói:

“Lớn thay! Chân giới muôn pháp khởi nguyên từ đây. Bao quát có không mà tuyệt tượng, thể nhập ngôn tượng mà chẳng dấu vết, diệu hữu được mà chẳng có, chân không được mà chẳng không, sinh diệt

được mà chân thường, duyên khởi được mà rõ ràng. Phật ta chứng đắc khéo lên chân giác, rửa sạch thói trần vắng lặng trong cảnh giới vạn hóa, vận dụng trong thế giới nhất hư, dung hòa thân độ mà tương hợp, hòa quyện thanh quang mà chiếu xa. Hoàng thượng ta có được khéo xét hư cực, dung hợp cái đại hòa. Văn của thánh vượt cả trăm vương, bủa thần phong đến vạn quốc. Nêu đạo mầu mà tỉnh mộng, rửa thiên chân bằng tánh tình, đủ biết nếu chẳng có thái hư thì làm sao triển chiếu đến vô biên. Nếu chẳng có chân giới thì làm sao thanh tịnh cái tâm ngang hư không. Giáo lý của Hoa Nghiêm nêu tỏ chỉ thú này, thấu suốt ngọn nguồn này. Thế nên nó khoáng đạt bao la, tóm thâu sâu thẳm chẳng thể nghĩ bàn được.

Nói đến cội nguồn thì tình trần có giới hạn nhưng biển trí vô biên, vọng hoặc chẳng thủ, trùng huyền chẳng không, lửa của tứ cú đâu đốt được, cửa ngõ vạn pháp thấy đều thể nhập. Dung hợp Nhị tế trong Bất nhất, khuấy động thiên biến nhưng chẳng phải nhiều. Sự lý dung hòa mà cùng quên, tánh tướng dung thông mà vô tận, như Tần Cảnh cùng chiếu soi, như Đế châu cùng dung nhiếp, lớp lớp đan xen cùng hiện ra môn một. Thế nên chứng đắc cái cực viên chỉ trong tích tắc, thấy được cảnh Phật ngay trong đầu lông mảy bụi. Chúng sinh trong tâm chư Phật nối nhau làm Phật. Chư Phật trong tâm chúng sinh niệm niệm chứng chân. Pháp môn Nhất tự dù mực như biển cả vẫn không chép hết, mỗi thiện như mảy lông, dù hư không cùng tận nhưng nó vô cùng. Bàn đến định thì dung hợp nhất tâm trong cái vô tâm, ngay nơi vạn động mà vẫn thường tịch, thể hợp với chân trí, hàm tàng với tánh không, muôn vàn Pháp thân in hình trên dòng nước tâm. Viên âm chẳng mở mà diễn hoài, quả hải lia niệm mà tâm truyền, muôn hạnh vong chiếu mà cùng tu, đốn tiệm chẳng được mà cùng vào. Dù bao quát cả bốn tâm, đốn siêu cả tám nạn, nhưng nêu cao Nhất cực thì Nhị thừa vẫn không nghe nổi. Luận về lực dụng thì thiện hữu của trăm thành cùng gởi thần trong một đạo, thấy biết đích xác là Nam, thì mới thấy tận phương Nam, một người có ích cho ta, thì ai nấy đều là thiện hữu. Gặp ba độc nhưng ba đức vẫn tròn đầy, vào trong nhất trần nhưng nhất tâm thanh tịnh, dù thiên biến nhưng chẳng đổi thay tâm ý, vạn cảnh thuận thì thông suốt đạo lớn, khế hợp với diệu trí của Văn-thù, dù là kẻ sơ tâm, thể nhập cửa ngõ nhiệm mầu của Phổ Hiền, chẳng còn lối nào khác. Đánh mất yếu chỉ này thì chỉ tu cái nhân suông trong nhiều kiếp, có được pháp môn này thì ngang bằng chư Phật chỉ trong một sớm. Quán kỹ mảy trần, pháp giới nằm trong lòng bàn tay. Lý sâu trí xa, thức mờ ngôn từ đơn giản, chỉ làm phiền

thánh ý, Trùng Quán tôi xin xuống tòa”.

Lúc ấy, vua lặng yên trong hải ấn hốt nhiên tỉnh ngộ, quay qua nói với quần thần:

- Thầy của trăm ngôn ngữ khiêm nhã lại giản đơn, từ chương súc tích lại phong phú, bủa gió chân trong Đệ nhất nghĩa thiên, hay đem thánh pháp làm thanh tịnh tâm của trăm. Thế nên nay trăm ban tặng cho thầy hiệu là Thanh Lương Quốc sư. Trăm nghĩ từ nay, sở chấp thân, tâm, nhân, ngã cùng định tướng của các pháp thấy đều đổ ngã từ đây.

Quần thần cúi lạy phụng lãnh minh chỉ. Từ đó công thần trọng thần, trong nước ngoài nước, đều lạy sư làm thầy, thọ trì tám giới.

29. Văn bia nói về công trạng của Luật sư Hy Di:

Luật sư Hy Di ở Đông Lâm, Lô sơn thị tịch trong năm này. Hứa Nghiêu Tá soạn văn bia rằng:

“Đại sư họ Tào, quê ở Quế Dương, vốn là người học theo Thánh triết, an nhàn đạm bạc, họ Sử biết ngài rất rõ. Phàm chân như không xa, cái chính là ở chỗ không dơ, diệu lý không sâu, quan trọng là ở nơi thấy tánh. Vốn từ chân thật diễn xướng hư vô, nghe rồi lãnh hội chăm chăm tham vấn, đó là cách thiết giáo của Đại sư.

Sư là người đỉnh ngộ sâu xa, phong tư mẫn tuệ, thọ Cụ túc ở Nam Nhạc, tu Luật nghi ở Đông Lâm, thường ngồi trong thất nhưng học giả bốn phương đua nhau đến tham học, chen nhau đến thưa hỏi. Sư phát cái tâm nhu nhuyễn tiếp nhận kẻ quy y, lời hay như ngọc vỡ, ý diệu tựa băng tan, thế nên kẻ chuộng đức đều tán dương, Sư lâm đàn trì pháp suốt đến năm mươi năm.

Niên hiệu Chí Đức, có lần sư đến Đông Lâm, ngụ tại Da Xá tháp viện. Dù đã hai mươi bốn năm nhưng những người có tín tâm vẫn nhận lãnh cam lồ, noi dấu của sư cùng nhau tiến tu. Giám Trì, Thủ Trì chẳng nề đường xa cùng đến tham học, sau đó họ về tỉnh xá làm Thượng thủ trong chúng Tăng. Đại sư thống lãnh môn nhân dạy họ ăn cơm, quán xét tự thân mà thấy tướng, từ tướng mà quay về không. Sư là người tham cứu rất sâu xa, nghiền ngẫm diệu chỉ.

Có lần sư bị bệnh đau lưng, chữa chạy thế nào vẫn không hết, nên ban đêm thường rên la. Đêm nọ có thần nhân đến vỗ lưng sư, Sư thấy mình như được thay hình đổi dạng và bệnh liền hết hẳn. Từ đó sư luận bàn Kinh Luận, cứu xét tâm yếu, thêm vào đó sư là người nghiêm trì giới luật, tinh tấn nghiêm trì, nên những việc cảm ứng không sao nói hết, đến như nai rừng cũng quần quýt, chim chóc cũng theo về, nhưng

thạch thất của Đại sư vẫn không hề bị quấy nhiễu.

Đại Lịch thứ năm, Sư đến ngọn Ngũ Lão nhìn thác Bàn lễ như tấm lụa trắng, Sư thích cảnh này nên dựng tinh xá Lăng Vân, làm nơi tu tập, lại dẫn nước suối chảy vào để tẩy trừ mọi thứ dơ uế, bên cạnh lại trồng tùng, đào kênh chứa nước để cho mát mẻ, núi cao mây phủ, địa thế như bức bình phong. Thế nhưng tiếng tăm của sư vang vọng khắp nơi, lan đến đến triều đình, những người nghe tiếng đến cầu học không sao kể hết. Ở vậy hơn mười năm, Sư đến tinh xá Đại Lâm, ngày ngày rèn dao pháp đốt đèn tuệ, người người tha thiết cho sư tham học, cắt đứt mọi trói buộc, dẫn dắt bao kẻ mê khiến họ trong sạch thân tâm.

Niên hiệu Trinh Nguyên, Sư về lại giới đàn viện ở Đông Lâm, thấy đạo mình đã thành, việc mình đã xong, nên tháng bảy năm thứ mười lăm, Sư gọi đệ tử đến dặn dò:

- Ta thuận thế giáo hóa đã xong.

Lát sau, Sư thị tịch, tăng lạp năm mươi, trụ thế bảy mươi một năm.

Đại sư tinh thông Lục nghệ, thấu đạt Bách gia, có lần cùng cố Thái sư Lỗ Quốc công Nhan Chân Khanh, cố Thừa tướng Triệu Công Cảnh, cố Ngự sử Đại phu Lư Công Quân, Lại bộ Thị lang Dương Công Ư Lãng là những người bạn tham thiền, cùng thám xét mỗi huyền, thấy tận diệu lý. Môn nhân của sư như Pháp Xán... Cả thấy hơn mười người được kế thừa tông chỉ. Trong Cao Tăng truyện ghi những di tích của sư rất nhiều, mà bài văn của Nghiêu Tá tao nhã hơn, nên chỉ chép lại văn bia mà không ghi hết sử truyện của Sư.”

30. Bài ký nói về Hoàng Thạch Nham:

Năm thứ mười sáu, Dật sĩ Lưu Kha lên chơi ở Hoàng Thạch nham trong Lô sơn, bỗng gặp một cao Tăng rất lấy làm lạ. Vị cao Tăng nói với Lưu Kha:

Người xưa nói:

“Khí tượng của thái cực tụ lại thì thành núi non, tán ra thì thành sông ngòi. Thế nhưng gom tụ cảnh trí núi non, lẽ đâu là to lớn lắm ư?”

Năm Canh Thìn, Lưu Kha lại đến để thu thập những sự kỳ lạ. Ông leo lên đến đỉnh lại leo xuống hơn nửa dặm rồi tắt ngang qua Hoàng Thạch nham. Trong hang động này có một người tên là Thê Thiên Tử, chẳng biết ông bao nhiêu tuổi, thấy cách sống của ông đủ hiểu con người của ông như thế nào rồi. Kha bèn hỏi ông sống ở đây bao lâu, Thiên Tử lấy tay chỉ cây tùng cây quế và nói:

- Cây ấy ta trồng hồi còn trẻ, đến nay đã ôm được một ôm rồi. Chim bay thỏ chạy, ta nhớ tuổi tác làm gì. Cái tối sớm của năm tháng, cái nóng lạnh của lửa sương, cái thịnh suy của sống chết, cái xuôi ngược của ở đi, dù rồi bởi như thế kia nhưng lại không như thế này. Than ôi! Đúng sai! Núi non cao chót vót, hạnh tăng cũng cao vợi, như vậy thì người, cảnh đều mất còn gì nói nữa. Hãy xem mây khói, quần quện dưới gót giày, khí núi nằm trong tay áo, muôn hình đều náo động trong con mắt người ta, khi khói mưa trút xuống thì núi non sáng sạch, lời tiên thoang thoảng như ở bên tai, hướng gì lên cao chót vót, ở trên chỗ man mác mênh mông, mà đâu biết không thể tiếp giáp với núi cao, không thể nối liền với gò rộng, vậy lấy tạo hóa, thấu nhận phong quang, đoạn tuyệt cái buồn phiền trên khuôn mặt, xa lìa cái ồn ào ở chỗ tanh hôi. Chẳng được như vậy bởi vì trói buộc, cám dỗ. Danh bị lợi trói buộc, lợi bị danh cám dỗ. Hễ nhận sự trói buộc, lấy sự cám dỗ thì chân tay bị xiềng xích, kẻ đó lẽ đâu được vẫy vùng ở đây chẳng. Phàm là kẻ tham thiền thoát khỏi gông cùm, chân tay đều múa máy, động như mây vô tâm, tình như đá vô tình, ta và vật là một, mối tà đoạn dứt ngay. Kẻ hèn này cho rằng nếu chẳng phải người này thì không thể ở trong cảnh như thế này.

Thiền sư họ Hoàng tên là Thường Tiến, quê ở Nghi Xuân, do sư từ lâu đã ở tại đây, nên đổi họ tên mình thành Hoàng Thạch Nham.

31. Luật sư Vân Phong Pháp Chứng:

Luật sư Vân Phong Pháp Chứng ở Nam Nhạc thị tịch trong năm này. Sư họ Quách, sắc diện dũng mãnh lại nhân từ, đức hạnh cao xa lại rộng khắp, đạo đức lan rộng nhưng không ưu việt, công lao thật cao nhưng không chấp. Sư nghị lực như vậy, ở trên ngọn Bắc phong, đáng làm bậc mẫu mực, người đời tôn sư là hiền nhân, đại thần. Sư đến phương Nam đều xiển dương giới luật, trong Tăng chúng nghe Đại sư giảng luật nghi không ai không chấn động khiếp sợ như nghe lời thệ nguyện mệnh lệnh; ngoài muôn dân nghe Đại sư giảng thuyết yếu đạo không ai không hoan hỷ mừng rỡ như làm được quan to. Thế nên thời bấy giờ, xét về tài đức, Sư là người đứng đầu, bàn về giáo tông sư là bậc thượng thủ. Sư độ cả thủy năm vạn người, thọ bảy mươi tám tuổi, tăng lạp năm mươi bảy hạ. Liễu Tử Hậu ở Hà Đông viết bài minh trên tháp, lại soạn văn bia rằng:

“Cần nguyên năm đầu, ngày đó tháng đó, Hoàng đế nói: “Ta muốn học theo hạnh nhân từ, hoan hỷ hòa hợp với nhân sinh, chỉ có

Phật đạo mới đáng mở mang dẫn dắt được”.

Vua bèn sai người lên Ngũ nhạc tìm người tài đức để làm mẫu nghi cho thiên hạ, chỉ có núi Nam có người dâng thư cho Thượng thư nói rằng:

“Đại sư Vân Phong Pháp Chứng hành đạo hơn năm mươi năm, mất năm Trinh Nguyên thứ mười bảy. Đồ chúng của ngài có Thuyên, Chấn, Tồn, Tố... cả thảy hơn ba ngàn người. Những bậc trưởng lão ấy đều đến nói: Thầy quý phạm cao vời, đức hạnh rộng sâu, có người đến học Luật, ngài đều đem tư cách tôn nghiêm chính tề bày dạy cho họ, giảng giải cho họ, làm cho họ biết những điều không nên làm. Có người đến hỏi đạo, ngài đem cái cao rộng thông đạt, lý có lý không mà chỉ bày cho họ khiến cho họ biết những điều họ phải làm. Trọng thân, cao đức đều đến đảnh lễ cầu học, thanh niên thiếu niên đều hoan hỷ thọ trì. Thế nên có đến năm vạn người được thầy ta dạy dỗ dẫn dắt. Thầy ta, mùa đông không sưởi, không mặc áo lông, đói không ăn thức ăn thịnh soạn, năm nào cũng như vậy. Đọc các Kinh Luận, nương theo thánh ngôn tất phát minh nghĩa lý, đủ thấy ngài là bậc vĩ đại.

Ngài lại thống lãnh đồ chúng đốn cây khai đất, dựng lập tháp Phật, lưu hành kinh điển làm cho Tượng pháp mỗi ngày càng hưng thịnh. Đó đủ thấy công sức của ngài.

Lúc sắp thị tịch, ngài bảo môn nhân:

- Ta học từ nhỏ cho đến lúc mất, chưa từng thi thiết việc gì.

Về sau người ta mới biết ngài động nhưng thấy rỗng rang. Ngài tĩnh nhưng chẳng việc gì không làm. Lúc sống thì biết nơi chưa từng đến, lúc mất thì biết chỗ chưa từng đi. Đạo ngài thật hoàn bị. Nguyên khắc đá để biết giáo pháp của ngài to lớn đến chừng nào. Trong ấy viết: “Giáo của ngài tôn nghiêm sáng rõ, phụng chiếu thiên tử, ban bố khắp nước để hậu học ngày sau noi theo. Đức của ngài đơn giản nhưng cao sâu, uyển chuyển mà thẳng thắn, hợp lại nhưng chẳng chất chồng, bủa ra thì người người lợi ích, mỗi đạo thật đáng noi theo. Công của ngài cần lao mà thông dong, đả thông điều cơ mật, dựng lập điện đường, xa gần đều trợ giúp. Nhân đó mà họ của ngài là Quách, đời đời tương truyền, xuất gia đầu Phật. Ngài thọ bảy mươi tám tuổi, trọn đời chẳng đến cửa cung càng tỏ rõ chí khí thanh cao của mình. Đồ chúng của ngài đông vô kể, chỉ lấy Đại giáo làm đầu, lấy quy củ làm kỷ cương. Rộng lớn thay! Mênh mông thay! Như sông rộng, như mây nổi, như núi cao mãi vững bền, đời đời mãi lưu truyền”.

32. Truyện về Lục Vũ:

Nhâm Ngọ: Tuyết dày một trượng. Đơn Hà xuất gia lúc này đã sáu mươi bốn tuổi.

Quý Mùi: Ấn sĩ Lục Vũ mất.

Vũ tự là Hồng Tiệm. Hồi nhỏ ông được Sa-môn lượm được ở bờ sông đem về nuôi. Lớn lên ông lấy kinh dịch tự bói, biết mình bị bỏ rơi bên sông Tiệm, nhân đó tự đặt tên là Hồng Tiệm ở Vu Lục. Lòng của chim Hồng có thể dùng để trang sức, nên ông bèn lấy họ Lục, tên là Vũ, tự là Hồng Tiệm.

Thầy giáo đem Bàn Hành thư dạy ông, ông hỏi:

- Lúc chết ít anh em lại không người kế tự có được gọi là hiếu không?

Thế rồi ông trốn đi làm người tại gia. Trong năm Thiên Bảo Thái thú Lý Tề Vật gặp ông lấy làm lạ bèn dạy cho ông kinh thư. Diện mạo ông quê mùa nhưng lại có tài biện luận rất giỏi. Trong năm Thượng Nguyên, ông ở ẩn tại Chiểu Khê kết thân với Sa-môn Đạo Tiêu, Hạo Nhiên, tự lấy hiệu là Tang Trữ Ông. Ông đóng cửa viết sách. Có chiếu triệu đến bá kiến Thái tử Văn Học nhưng ông không đi. Ông thường uống trà và soạn Trà Kinh ba quyển, nội dung nói về nguồn gốc, cách pha chế, dụng cụ nấu trà, uống trà rất hoàn bị. Từ đó thiên hạ uống trà càng nhiều. Thời bấy giờ dân bán trà nặn hình ông để trong quán tế tự làm Trà Thần.

Trong năm Khai Nguyên có Dật Sĩ tên là Vương Hưu ở trên núi Thái bạch, cứ đến mùa đông thì lấy băng ở bên suối đập lấy cái sáng sạch nhất nấu với đọt trà và mời khách uống. Thời ấy Tăng Chí Sùng ở chùa Giác Lâm dùng ba loại trà: Kinh Lô Tiểu để uống, Huyền Thảo Đới để cúng Phật, Tử Nhĩ Hương để đãi khách. Người đến uống trà thường mang đến một túi dầu đầy, khi còn lại vài giọt thì về. Lại có Thường Bá Hùng, nhân tư duy về Đồng trà thi mà tin chắc uống trà thật vô cùng lợi ích, bèn lấy luận của Vũ diễn rộng thành Trà công. Ngự sử Lý Quý Khanh làm Tuyên úy Giang Nam biết Bá Hùng rất giỏi pha trà, bèn mời đến. Bá Hùng xách đồ đi, Quý Khanh cùng Hùng nâng chén. Khi ấy Khanh lại mời Vũ đến, Vũ ăn mặc theo dân dã xách đồ vào phủ, Khanh thấy ông chẳng làm lễ, Vũ hổ thẹn liền viết tiếp Hủy Trà luận. Về sau người chuộng trà thành phong tục, đến nỗi dân xứ Hồ hột phải chở trà về triều cung cấp cho vua quan.

33. Thiên sư Ngưng Công ở chùa Thánh Thiện, Đông đô:

Đại sư Ngưng Công ở chùa Thánh Thiện, Đông đô thị tịch trong năm này. Hàn Lâm Bạch Cư Dị làm kệ Bát tiệm đến điệu sư. Trong ấy nói:

“Cư Dị thường cầu tâm yếu với sư, Sư dạy rằng:

“Quán, Giác, Định, Tuệ, Minh, Thông, Tế, Xả”.

Nhờ vậy tôi nghe và tâm thông suốt. Than ôi! Nay báo thân của sư đã hòa nhưng tám lời của sư vẫn còn nguyên. Lớn thay, tám lời ấy! Đúng thật là Tiệm môn của Vô sinh nhãn quán. Thế nên tôi theo thứ tự từ quán đến xả mà tán thán, mở rộng mỗi phần bằng một bài kệ, lấy tên là Bát Tiệm kệ, không ngoài muốn phát huy tâm giáo của Sư, và để bày tỏ rằng Cư Dị tôi không dám lãng quên:.

Sau đó ông lên điện đường lễ lạy linh sàng rồi quỳ xuống khóc và ngâm rằng:

QUÁN:

Lấy mắt trong tâm

Quán tưởng ngoài tâm

Từ đâu mà có

Từ đâu mà mất

Quán đi quán lại

Tất rõ chân vọng.

GIÁC:

Vì tánh chân thường

Bị vọng che lấp

Nếu tỏ chân vọng

Tánh giác hiện ngay

Chẳng lừa vọng có

Mà được chân không.

ĐỊNH:

Nếu chân chẳng diệt

Vọng liền chẳng khởi

Gốc của sáu căn

Yên như nước lặng

Đó là thiền định

Là thoát sinh tử.

TUỆ:

Dùng định chuyên tâm

Định vẫn còn trôi

Dùng tuệ độ người
Thì tuệ không trệ
Như châu trong mâm
Tuệ châu lăn tròn.

MINH:

Định tuệ tương hợp
Hợp rồi mới sáng
Chiếu soi vạn vật
Vật không để bóng
Như gương tròn lớn
Ứng nhưng vô tình.

THÔNG:

Tuệ đến thì sáng
Sáng thì không tối
Sáng đến thì thông
Thông thì không ngại
Không ngại là sao
Biến hóa tự tại.

TẾ:

Sức thông không thường
Tùy niệm mà đổi
Hai tướng chẳng có
Tùy cầu mà hiện
Là đại từ bi
Dùng một cứu vạn.

XẢ:

Muôn khổ đã độ
Đại Bi cũng xả
Khổ đã không thật
Bi cũng là giả
Thế nên chúng sinh
Thật không độ người.

34. Thiên sư Bàn Sơn Bảo Tích ở U châu:

Có vị Tăng hỏi Thiên sư Bảo Tích ở Bàn sơn U châu:

- Thế nào là đạo?

Sư nói:

- Đi ra.

Tăng thưa:

- Học nhân chưa lãnh hội được.

Sư nói:

- Đi đi!

Sư thượng đường dạy chúng:

- Nếu tâm vô sự thì vạn tượng chẳng sinh, ý dứt cơ huyền thì mảy trần nường đầu mà lập. Đạo vốn không thể, nhân đạo mà lập danh, đạo vốn không danh, từ danh mà có hiệu. Nếu nói tức tâm tức Phật vẫn chưa vào được lẽ huyền, nếu nói phi tâm phi Phật vẫn mới là chỉ ra dấu vết cực tặc. Con đường hướng thượng ngàn thánh chẳng truyền. Người học lao nhọc tẩm thân như khỉ bắt bóng. Đại đạo không ở trong lẽ đầu có trước sau, trường không không giới hạn lẽ đầu đo đếm chẳng? Hư không đã như vậy, đạo làm sao nói. Tâm như trăng tròn chiếu soi vạn vật. Quang không chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn; quang cảnh đều mất thì có vật gì. Bạc Thiên đức ví như trong hư không, bất luận đến hay không đến thì đây vẫn là trong không không dấu vết, kiếm nhọn cũng chẳng thiếu, nếu được như vậy thì tâm tâm vô tri, toàn tâm tức Phật, toàn Phật tức nhân, nhân và Phật chẳng khác, đó mới là Đạo. Bạc Thiên đức có thể ngay khi học đạo, chẳng khác đất nâng núi, chẳng biết núi cao vút, như đá chứa ngọc, chẳng biết ngọc không tỳ vết. Nếu được như vậy đó mới là xuất gia. Thế nên Đạo sư nói:

Pháp vốn không ngại nhau

Ba đời cũng như vậy

Người vô vi, vô sự

Được vàng hết nghèo khó.

Do đó nguồn linh độc chiếu, đạo dứt vô sinh, đại trí chẳng sáng, chân không không dấu, chân như phàm thánh đều là lời mộng, Phật và Niết-bàn thấy là nói thêm. Thiên đức phải tự thừa đương chẳng ai thay thế, ba cõi không pháp cầu tâm nơi nào? Bốn đại vốn không, Phật trụ ở đâu? Cơ huyền chẳng động, vắng lặng vô ngôn; mặt mũi đều hiện, không việc gì khác. Trân trọng!

Sư sắp thị tịch, hỏi chúng:

- Có ai vẽ được hình ta chẳng?

Đại chúng đều đem hình mình vẽ được trình sư, Sư đều đánh. Lúc ấy đệ tử là Phổ Hóa bước ra thưa:

- Con vẽ được.

Sư nói:

- Sao không trình cho Lão tăng?

Phổ Hóa bèn mang cái đầu ra.

Sư nói:

- Gã này ngày sau tiếp người như phong cuồng.

Sư thị tịch, vua ban thụy là Ngưng Tịch Đại sư, tháp hiệu là Chân Tế.

35. Bài tựa nói về Tuấn Thượng Nhân về Hoài Nam:

Năm này, Giám sát Ngự sử Liễu Tông Nguyên tiễn Tuấn Thượng Nhân về Hoài Nam. Trong bài tựa nói:

“Đạo của họ Kim Tiên, cái gốc nằm trong hiếu kính, về sau tích chứa muôn đức, trở về cái không vô. Ông ấy khai diễn giáo giới ở Trung Quốc là tất cả dị môn, dùng Thiên, Pháp, Luật để cứu vớt mê trước, người đời đều dùng các tông đều noi, trong ấy lại tu chánh quán, hành cái tôn nghiêm, pháp hợp uy nghi, làm mô phạm cho hậu thế, lấy việc Trì Luật làm đầu.

Thượng nhân xét cùng bí nghĩa, pháp minh thượng thừa giữ ba ngàn uy nghi, tuy vội vã nhưng đều hoàn bị. Ngài từng tuyên thuyết đạo này cho người giang hồ, những kẻ ấy hoan hỷ nhận lời chỉ dạy, còn như những người nương thuyền tư kỳ vọng đến bờ kia thì có đến ngàn trăm.

Thiên tử nghe danh ngài, liền triệu vào cung, vua ngự ở điện Đại Minh mà hỏi đạo. Ngài nêu đạo bày giáo rất hợp ý vua. Sĩ chúng nơi kinh châu bắt đầu đua nhau tôn ngưỡng sư mà gieo trồng gốc đức. Thế nhưng Thượng Nhân vẫn không quên được ân xưa, bèn lui về giữ cái lễ nghi hầu hạ. Ngài khẩn thiết xin vua, vua không kìm chân được bèn để ngài đi. Thế rồi ngài chấn tích đến phía Đông, ngày đêm khai đạo. Hữu ty Viên ngoại lang Lưu Công là người tinh thông thế điển, lại thông đạt Phật pháp là bạn thâm giao với Thượng Nhân, vừa mới gặp lại, nay rất tiếc vì ngài ra đi. Bấy giờ bạn của Hợp Lang Thự làm thơ tặng ngài. Trong ấy nói: “Thượng Nhân chuyên tâm Giới luật càng lâu càng vững, ông ấy làm mẫu mực cho hậu học ư? Giáo hóa sinh linh, muôn loài được phước, ông ấy tích chứa muôn đức ư? Gặp nhau nơi cao đường xem kẻ xa như gần, ông ấy vốn hiếu kính ư? Nếu vậy thì đem tâm quy về không, chẳng bỏ thuyền bè mà lên bờ, từ đâu mà biết được ông ấy ư? Người xưa tặng lễ đều theo khinh trọng. Thế nên Trịnh Thương thưởng cho Thừa Vi trước, Lỗ Hầu tặng Ngô Đỉnh sau. Nay trong việc tặng thơ đều nhiều hơn Ngô Đỉnh. Thế nên Thừa Vi so với đây phải được ghi trước. Vả lại nói do lễ mà không dám chối từ”.

36. Văn bia nói về công trạng của Hòa thượng Bát Chu:

Hòa thượng Bát Chu ở Nam Nhạc thị tịch, Liễu Tử Hậu soạn văn bia thứ hai rằng:

“Phật pháp lưu hành vào Hành sơn, đến Đại sư mới bắt đầu xiển dương lại Luật giáo. Từ đàn tràng này những người được chánh pháp có đệ tử ngài là Hòa thượng Nhật Ngộ là người thọ nhận hết yếu đạo của ngài, bổ nhiệm vào địa vị của ngài là người đứng đầu trong Phật giáo.

Hòa thượng họ Tương, quê ở Linh lăng, chí khí cao vời, đức hạnh miên mật. Hình dáng ngài tuy nhỏ nhưng đạo hạnh rất cao xa. Ngài cho rằng nhân định mà phát tuệ, nên chuyên dùng Giới luật kiểm thúc thân tâm, tham học với Đại sư Ân ở chùa Đông Lâm, quán xét mật nghĩa rồi trở về truyền giáo. Ngài chẳng xem văn tự nhưng luận lý rất tinh vi, đăng đàn hành sự độ chúng Tỳ-kheo, mỗi năm đến cả ngàn người. Đến năm ba mươi bảy tuổi, nguồn đạo đã lắng trong, ngài nghĩ muốn bỏ phàm lên thánh tất phải lấy Tam-muội làm quỹ phạm. Thế rồi ngài dốc tâm cầu học với Đại sư Viễn ở Tử tiêu, tu tập lý mầu bằng cách quán Phật. Ngài hốt nhập tánh hải, khai mở nguồn chân. Ngài chuyên tin tu tập chỉ quỳ và đi nhiều, trong suốt bảy ngày chẳng hề ngủ nghỉ. Ngài chuyên tâm hành trì đến bốn tháng mà tâm chí chẳng hề giải đãi.

Trong năm Khai Nguyên, vua hạ chiếu định lại phép tắc, ngài đến ở tại chùa Long Hưng trong quận này. Túc Tông ấn định danh sơn trong thiên hạ, đặt cách bảy Đại đức Tăng, từ đó Nam Nhạc càng được vua vô cùng coi trọng. Họ cử ngài làm Thượng thủ, ngài không làm, bèn qua Sùng lãnh dựng tinh xá. Ngài chặt cây, phá cỏ, khai núi, thế rồi điện đường rộng lớn uy nghiêm được dựng lên. Ngài chẳng nhờ cậy mà ai nấy đều giúp sức, chẳng cầu mong mà người người đều góp của. Những người phương Nam dốc tâm niệm Phật Tam-muội đều phát xuất từ ngài và ngài đặt tên nơi này là Bát Chu Đài.

Hòa thượng xuất gia năm mười ba tuổi, chín năm sau thì thọ giới Cụ túc, mười năm ở nơi đàn tràng, ba mươi bảy năm sau vào ngày hai mươi bảy tháng giêng niên hiệu Trinh Nguyên thứ hai mươi ngài thị tịch tại tịnh thất này. Than ôi! Vô đắc mà tu nên mỗi niệm là thật tướng, chẳng cầu chấp pháp nên Luật là Đại thừa, chỉ đắp hoại y mà không màu mè, chỉ ăn đồ dở mà chẳng ham vị, tất cả vật tùy thân nếu từ sinh vật thì không bao giờ dùng đến, thật chẳng biết được lòng từ của ngài cao sâu bao nhiêu. Dẫn dắt giáo hóa, phàm người quay về đạo chánh chân đông vô số kể, thật không sao đếm hết. Muôn hạnh sáng lòa, nhất tánh thường như, bến bờ tịch dụng thật không lường nổi.

Đệ tử là Cảnh Quý nổi pháp của ngài, muốn mở rộng ân đức của ngài, nối tiếp đến muôn đời, nên bày tỏ vài lời in khắc trong bia. Bài minh viết:

*Tượng giáo về Nam
Đến ngài thì thịnh
Uy nghi nghiêm cẩn
Khai mở Luật môn
Thầy ta nối truyền
Khai thông nguồn đạo
Độ vô lượng chúng
Quét sạch tối tăm
Xiển dương Luật tạng
Luận lý nhiệm mầu
Tóm thâu tám vạn
Bày trong một lời
Tiếng tăm lẫy lừng
Gần xa cầu học
Như cây đã ngã
Đốc sức dựng lại
Dòng pháp Bát chu
Trường tồn ý diệu
Trăm ức ngâm hợp
Xem ở dấu tích
Đồng đạo nhờ ân
Công cao lại thuận
Như nước đọng lâu
Chảy tràn vô hạn
Vua cầu Đạo sư
Tôn kính thầy ta
Sáng thay mệnh vua
Tỏ rõ linh nhạc
Ở gò Nam kia
Điện đường cao ngất
Toàn bộ công của
Chẳng cầu mà đủ
Phất tay thi công
Chẳng hô mà ứng
Nào phát nào đực*

Mở thông đường xá
 Lập thêm lớp hang
 Để lại hậu học
 Đi chẳng trâu ngựa,
 Mặc không lụa là
 Chẳng an thân mình,
 Ăn mặc đạm bạc
 Chẳng từ mệt nhọc,
 Việc làm thường tịch
 Thoáng mà không kiêu
 Là do thường xả
 Hòa đồng muôn loại
 Ai lường biết được
 Để lại phong quang
 Làm gương cho đời
 Hình hài ra đi
 Quý nghi còn mãi
 Đồ chúng truy niệm
 Kính khắc bia đá.

37. Thuận Tông: (Kỷ Dậu)

Thuận Tông tên là Tụng, con trưởng của Đức Tông, ông rất mến mộ Phật pháp, tôn ngài Thanh Lương làm Quốc sư. Tính ông khoan dung, nhân từ rất giỏi về văn chương. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Trinh, mất tại điện Hàm Ninh, an táng ở Phong lăng, thọ bốn mươi sáu tuổi, trị vì một năm.

38. Bài ký về chim Anh vũ có, xá-lợi:

Tháng chín năm này, Thái úy Trung thư lệnh Vi Cao mất. Lúc mới sinh cha ông cúng trai phạn cho chúng Tăng để cầu phước. Tôn giả Ứng Chân bỗng đến, cha ông cúng dường xong, sai nữ mẫu bỗng con ra xin Tôn giả chú nguyện. Tôn giả đứng lên nói với mọi người:

- Đứa bé này là Gia Cát Vũ Hầu, ngày trước do rất giỏi việc trị chánh ở nước Thục, nên đặt tên tự cho nó là Vũ.

Nói xong, Tôn giả bỗng biến đâu mất. Về sau Vi Cao giao du với quan lại, ẩn sĩ tiết nghĩa và công danh của ông ngang bằng với Vũ Hầu. Ông cai quản đất Thục hai mươi một năm, được phong làm Nam Khương Quân Vương. Ông có đức với muôn dân, dân Tứ Xuyên ngày nay vẫn

còn phụng thờ ông. Ông rất mến một Phật pháp. Hồi ấy pho tượng Phật bằng đá ở Gia châu vừa hoàn thành, ông liền ghi lại rằng:

“Đầu rộng ngàn thước, mắt lớn hai trượng, tất cả tướng hảo khác đều rất cân xứng”.

Người đời khen ông là bậc nho nhã, đơn giản. Có lần ông dạy chim anh vũ niệm Phật. Chim Anh vũ chết ông theo nghi thức Sa-môn tống táng trà-tỳ nó và lượm được xá-lợi. Ông ghi lại việc này rằng:

“Nguyên tinh do ngũ khí tiếp nhận muôn loài, dù là điều thú chim muông, nhưng đều cảm nhận được cái tinh hoa thuần túy. Có loài sáng rỡ mà chẳng cháy, có loài bầm thọ sắc xanh, thì con người đều phải xem trọng như chánh trị đương thời. Vậy thì có luyện tập loài cầm thú kia nói được, liễu ngộ không tướng trong vô niệm, để lại chân cốt trong thân tàn, lẽ đâu chẳng phải là nguyên thánh thị hiện để đáp ứng lòng người, đồng phạm phu mà khác tục, dùng Nhất chân giáo hóa ư?”

Năm trước có người cho tôi con chim Anh vũ và nói:

“Dung mạo và tướng của chim này rất hay, nó nói tiếng Hoa Hạ. Có người họ Bùi ở Hà Đông, rất ưa thích đạo của Kim Tiên, nghe Tây phương có chim quý, đùa giỡn theo bầy và diễn xướng pháp âm, do giống chim này chuyển tải được Phạm kinh, trí nó vượt xa các giống khác. Ý ông ấy cho rằng thân Phật ứng hóa, thường đùa giỡn nhưng rất kính trọng nó. Đầu tiên dạy nó giới cấm Lục trai, cho đến sáng sớm là ăn phi thời, đến tối không được nhìn thức ăn, như vậy là đã có thể thức tỉnh thể tục, làm rõ ràng cái tư cách đôn nghiêm của người phạm hạnh. Có lúc dạy nó trì niệm danh hiệu Phật và nói: “Phải bắt đầu từ hữu niệm dần dần tiến đến vô niệm”, thì nó nghiêng đầu vung cánh tỏ vẻ như đã nghe được. Sau đó có lần tôi dạy nó niệm Phật, thì nó im lặng không đáp. Có lúc tôi nói là nó không niệm Phật thì nó liền hót lên A-di-đà. Tôi thử nhiều lần cũng đều như vậy, chưa từng hót sai. Tôi nói với nó: “Hữu niệm là duyên sinh, vô niệm là chân tế, duyên sinh dù chẳng nói vẫn là duyên khởi, chân tế tuy nói nhưng ngôn ngữ vốn không. Mỗi sáng sớm, trong nhà trống, nó phát ra âm thanh hòa nhã, trong như tiếng sáo tiếng tiêu, vang vọng cả thính không, âm thanh trầm bổng, niệm niệm tương tục. Người nghe thấy đều khoan khoái mà ưa làm thiện. Than ôi! Sự sống có giới hạn, nhưng duyên lẽ đâu cùng tận chẳng. Tháng bảy năm này, nó tiêu tụy không vui, bảy ngày sau càng tồi tệ, người nuôi biết nó sắp chết liền gõ khánh mà nói với nó rằng: “Sắp về Tây rồi! Ta đánh khánh cho người, người phải chánh niệm”. Mỗi tiếng khánh nó niệm một tiếng Di-đà Phật. Đến tiếng khánh thứ

mười, nó niệm xong mười niệm, rồi xếp cánh, co chân không nhích lên, cũng không ngã nhào, đứng như vậy mà chết.

Trong kinh Phật có nói:

“Thành tựu mười niệm thì vãng sinh về Tây phương”.

Lại nói:

“Người được Phật tuệ, chết có xá-lợi”.

Tôi biết như vậy nên nghĩ chắc không khác con người, bèn ra lệnh dùng cách trà-tỳ thiêu nó. Sau khi cháy xong, quả nhiên có mười hạt xá-lợi, sáng chói cả mắt, rớt rở trong lòng bàn tay. Người thấy mà khiếp sợ, người nghe đều kinh hãi. Họ đều nói: “Nếu có thể dẫn dắt người mê, lợi ích cho đời lẽ đâu chẳng phải là Bồ-tát hóa thân đây ư?”

Thời ấy có Cao Tăng Tuệ Quán từng đến Tam Học Sơn đi nhiều, lễ lạy thánh tích, nghe kể con chim này, ngài rơi lệ than khóc, thỉnh về Linh sơn, dùng bình gốm đựng xá-lợi và dựng tháp để nêu cao việc lạ này.

Tôi nghĩ, con chim này lúc sống có đạo, lúc chết có điềm linh, người xưa sở dĩ thông được giai vị Thánh hiền rồi đến giáo hóa là thế.

Nữ Oa thân rắn mà kế tục đế vương, họ Diễm thân chim mà dựng nên nghiệp Hầu, việc ấy có ghi trong sử sách, ai dám bảo là quái lạ. Huống gì con chim này, có khắp trong đạo lưu thánh chứng rõ ràng, lẽ đâu không nói đến. Tôi thấy chẳng có gì đáng thẹn, nên ghi lại việc này”.

39. Vua hỏi pháp với Thiên sư Phật Quang Như Mãn:

Tháng tám năm này, Thuận Tông nhường ngôi, Hoàng Thái tử lên ngôi đó là Hiến Tông. Trước đây tại Đông cung, có lần Thuận Tông hỏi Thiên sư Phật Quang Như Mãn rằng:

- Phật từ đâu đến, chết đi về đâu, đã nói Phật thường trụ thế thì hiện nay Phật ở đâu?

Sư đáp:

- Phật từ vô vi đến, tịch diệt về vô vi, Pháp thân bằng hư không, thường trụ trong vô tâm, hữu niệm về vô niệm, hữu trụ về vô trụ, đến là vì chúng sinh, đi cũng vì chúng sinh, biển chân như thanh tịnh, thể vắng lặng thường trụ, người trì khéo tư duy, chớ sinh tâm nghi ngờ.

Vua hỏi tiếp:

- Phật sinh trong vương cung, diệt độ ở Song lâm, trụ thế bốn mươi chín năm, sao nói không pháp thuyết, núi sông và biển lớn, trời đất cùng nhật nguyệt, đến lúc cũng quy tận, ai nói không sinh diệt? Nghi tình

giống như đây, người trí khéo phân biệt?

Sư đáp:

- Thể Phật vốn vô vi, mê tình vọng phân biệt, Pháp thân bằng hư không, chưa từng có sinh diệt, có duyên Phật xuất thế, không duyên Phật nhập diệt, dạy chúng sinh khắp nơi, như trăng trong dòng nước, chẳng thường cũng chẳng đoạn, chẳng sinh cũng chẳng diệt, sinh cũng chưa từng sinh, diệt cũng chưa từng diệt, thấy được chỗ vô tâm, tự nhiên không pháp thuyết.

Vua nghe xong, vô cùng vui mừng.

Có lần vua hỏi tâm yếu với Quốc sư Thanh Lương, Quốc sư đáp:

- Đạo lớn vốn ở ngay tâm mình, tâm pháp vốn ở trong vô trụ, tâm thể vô trụ nhiệm mầu chẳng mê, tánh tướng vắng lặng bao hàm cả đức dụng, bao quát cả trong ngoài, hay sâu, hay rộng, chẳng có chẳng không, chẳng sinh chẳng diệt, không cuối không đầu tìm thì chẳng được, bỏ thì chẳng lìa, mê hiện lượng thì khổ hoặc đẩy đưa, ngộ chân tánh thì rỗng rang thấu triệt. Tuy tức tâm tức Phật, chỉ người chứng mới biết, nhưng có chứng có biết, thì mặt trời trí tuệ đã rơi chìm trong đất có, nếu không chiếu không ngộ, thì mây mù đã che lấp cửa không. Nếu một niệm chẳng sinh thì khoảng trước khoảng sau đều dứt sạch, chiếu thể độc lập, vật ngã đều như như, mở thẳng nguồn tâm, không trí không đắc chẳng thủ chẳng xả, không đối đãi không tu. Nhưng mê ngộ nương nhau, chân vọng đối nhau, nếu tìm chân bỏ vọng như bỏ bóng theo hình, nếu liễu ngộ được vọng tức chân, chẳng khác nào núp trong mát thì bóng mất. Nếu không tâm vọng chiếu thì vạn mối đều dứt, nếu mặc tình ngẫm biết thì vạn mối đều mở ra. Cứ mặc tình đến đi vắng lặng mà quán xét ngọn nguồn, nói nín chẳng mất huyền vi, động tĩnh chẳng lìa pháp giới. Nói dừng thì tri tịch cùng quên, luận quán thì tịch tri cùng chiếu; nói đến chứng thì chẳng thể bày biện cho người; diễn đến lý thì chẳng chứng chẳng liễu. Đó là ngộ tịch nhưng không tịch, chân tri nhưng vô tri, vì tri và tịch chỉ là nhất tâm bất nhị, kế hợp trung đạo, có không đều quên.